



Sustainable
Agriculture
Network

Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững

© Sustainable Agriculture Network

Tháng 7 2010

Sustainable Agriculture Network (SAN):

Conservación y Desarrollo, Ecuador · Fundación Interamericana de Investigación Tropical, Guatemala · Fundación Natura, Colombia · ICADE, Honduras · IMAFLORA, Brazil · Nature Conservation Foundation, India · Pronatura Sur, Mexico · Rainforest Alliance · SalvaNatura, El Salvador

Tài liệu này miễn phí ở dạng bản sao điện tử cung cấp bởi thành viên của Mạng lưới Nông nghiệp Bền vững hoặc trên tại trang web của Rainforest Alliance

www.sanstandards.org

Nếu như không vào được trang tài liệu điện tử này, bạn có thể liên hệ chúng tôi tại địa chỉ sau đây để nhận các bản cứng với mức giá thanh toán hợp lý:

Sustainable Agriculture Network Secretariat
P.O. Box 11029
1000 San José
Costa Rica

Xin vui lòng đóng góp ý kiến và đề nghị liên quan đến Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững và tài liệu Chính sách đến:

info@sanstandards.org

Hoặc qua email chính thức:

Sustainable Agriculture Network Secretariat
P.O. Box 11029
1000 San José
Costa Rica

NỘI DUNG

Phần giới thiệu	4
Mạng lưới nông nghiệp bền vững và Tổ chức Rainforest Alliance	4
Sứ mệnh của Mạng lưới Nông nghiệp Bền vững	4
Lịch sử Bộ Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững của SAN	5
So sánh Bộ Tiêu chuẩn bản tháng 4 2009 và bản tháng 7 2010	6
Mục tiêu Bộ Tiêu chuẩn	6
Cấu trúc Bộ Tiêu chuẩn	7
Phạm vi	7
Hệ thống tính điểm của SAN	8
Các tiêu chí áp dụng	9
Các nguồn tư liệu	9
Thuật ngữ và Định nghĩa	11
TIÊU CHUẨN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG	17
1. HỆ THỐNG QUẢN LÝ XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG	17
2. BẢO TỒN HỆ SINH THÁI	19
3. BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ	21
4. BẢO TỒN NGUỒN NƯỚC	22
5. ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC TỐT CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG	24
6. SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP VÀ SỰ AN TOÀN	31
7. QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG	38
8. QUẢN LÝ MÙA VỤ TỔNG HỢP	39
9. QUẢN LÝ ĐẤT VÀ CÔNG TÁC BẢO TỒN	42
10. QUẢN LÝ NGUỒN NƯỚC TỔNG HỢP	43
Phụ lục 1 Khoảng cách giữa khu vực sản xuất và hệ sinh thái trên mặt đất, hệ sinh thái dưới nước và khu vực dành cho hoạt động con người	45
Bảng khoảng cách	46
Phụ lục 2 Thiết bị cơ bản bảo vệ cá nhân khi tiếp xúc và áp dụng vào nông trại đầu vào hữu cơ và không hữu cơ	47

Phần giới thiệu

Mạng lưới Nông nghiệp Bền vững và tổ chức Rainforest Alliance

Mạng lưới Nông nghiệp Bền vững (SAN) là một liên minh các tổ chức bảo tồn phi lợi nhuận độc lập thúc đẩy tính bền vững về xã hội và môi trường của các hoạt động nông nghiệp bằng cách xây dựng các tiêu chuẩn. Việc xây dựng bộ tiêu chuẩn và chính sách và đánh giá được điều phối bởi Ban Thư ký SAN đóng tại San José, Costa Rica. Cơ quan chứng nhận sẽ chứng nhận cho các nông trại hoặc tập đoàn làm đúng theo tiêu chuẩn và chính sách của SAN. Các nông trại đã chứng nhận hoặc tập đoàn đã chứng nhận có thể nộp đơn xin sử dụng thương hiệu đã đăng ký của *Rainforest Alliance Certified*™ cho các sản phẩm trồng trên nông trại đã chứng nhận.



Kể từ năm 1992, có hơn 600 chứng nhận cấp cho hơn 60,000 nông trại – bao gồm các nông trại quy mô hợp tác xã nhỏ gia đình cũng như các đồn điền – trên khắp 25 quốc gia đã đạt được các bộ tiêu chuẩn SAN trên 500,000 ha cho hơn 20 mùa vụ bao gồm cà phê coffee, cocoa, chuối, trà, quả dứa, hoa tươi và lá trang trí, và cam chanh. Các mùa vụ khác bao gồm aloe vera, táo, quả bơ, cherry, nho tươi, hạt cọ, kiwi, macadamia, xoài, quả lê, cao su và cây vanilla.

SAN bao gồm các thành viên sau đây: Conservación y Desarrollo (C&D), Ecuador; Fundación Interamericana de Investigación Tropical (FIIT), Guatemala; Fundación Natura, Colombia; ICADE, Honduras; IMAFLORA, Brazil; Nature Conservation Foundation, India; Pronatura Chiapas, Mexico; SalvaNatura, El Salvador; và Rainforest Alliance.

Sứ mệnh Mạng lưới Nông nghiệp Bền vững

Mạng lưới Nông nghiệp Bền vững (SAN) thúc đẩy tính hiệu quả nông nghiệp, bảo tồn sinh thái và phát triển bền vững cộng đồng bằng cách xây dựng các tiêu chuẩn môi trường và xã hội. SAN tăng cường thúc đẩy phát triển theo hướng thực hành quản lý tốt trong suốt chuỗi giá trị nông nghiệp bằng cách khuyến khích các chủ nông trại thực hiện theo đúng các tiêu chuẩn SAN, và bằng cách khuyến khích các doanh nghiệp và người tiêu dùng hỗ trợ tính bền vững.

SAN theo đuổi sứ mệnh bằng cách:

- Lồng ghép sản xuất bền vững cây trồng và vật nuôi vào chiến lược địa phương và khu vực ưu tiên theo hướng bảo tồn đa dạng sinh học, xã hội được bảo vệ và môi trường trong lành.
- Nâng cao nhận thức chủ nông trại, doanh nghiệp và lãnh đạo doanh nghiệp về mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa hệ sinh thái lành mạnh, nền nông nghiệp bền vững và trách nhiệm xã hội.
- Giới thiệu cho các lãnh đạo doanh nghiệp và người tiêu dùng hiểu biết về tầm quan trọng khi lựa chọn các sản phẩm do nông trại sản xuất trong môi trường bền vững và trách nhiệm xã hội.
- Khuyến khích đối thoại giữa các tổ chức môi trường, xã hội và tập đoàn kinh tế. Phía Bắc và phía Nam, về lợi ích của nền nông nghiệp bền vững.

SAN Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững tháng 7 2010

Lịch sử Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững của SAN

Các nguyên tắc nông nghiệp bền vững và tiêu chuẩn hỗ trợ được xây dựng lần đầu tiên bởi một quá trình tham gia của các bên liên quan chủ chốt ở Châu Mỹ La tinh từ năm 1991 đến 1993. Vào năm 1994, các đồn điền chuối đầu tiên được cấp chứng nhận dựa trên tiêu chuẩn này. Kể từ đó, tiêu chuẩn đã được thử nghiệm tại những nông trại quy mô khác nhau ở nhiều quốc gia thông qua hàng loạt các cuộc kiểm toán và hoạt động khác liên quan đến cấp chứng nhận. Đầu năm 2003, Rainforest Alliance với tư cách là Ban Thư ký Mạng lưới Nông nghiệp Bền vững, đã xây dựng bản chỉnh sửa chi tiết của tiêu chuẩn của bản 2002 thành bộ tiêu chuẩn cập nhật hơn phù hợp với nhiệm vụ của Mạng lưới Nông nghiệp Bền vững. Từ tháng 11 2003 đến tháng 11 2004, Rainforest Alliance đã khảo sát lấy ý kiến công khai, các tổ chức và cá nhân từ những quốc gia khác nhau được đề nghị đưa ra các khuyến nghị đối với bộ tiêu chuẩn chỉnh sửa. Kết quả cuối cùng của tiến trình này là một hội nghị của Mạng lưới Nông nghiệp Bền vững tổ chức vào tháng 11 2004, trong đó các quyết định kỹ thuật cuối cùng được thực hiện.

Vào năm 2005, Mạng lưới Nông nghiệp Bền vững đã phê duyệt tiêu chuẩn với cấu trúc gồm mười nguyên tắc như hiện nay. Mười nguyên tắc đó là:

1. Hệ thống Quản lý Xã hội và Môi trường
2. Bảo tồn Hệ sinh thái
3. Bảo vệ Động vật hoang dã
4. Bảo tồn Nguồn nước
5. Đối xử Công bằng và các Điều kiện Làm việc Tốt cho Công nhân
6. Sức khỏe Nghề nghiệp và An toàn lao động
7. Quan hệ Cộng đồng
8. Quản lý Mùa vụ Tổng hợp
9. Quản lý Đất và Công tác Bảo tồn
10. Quản lý Rác thải Tổng hợp

Vào năm 2008, Ủy ban Tiêu chuẩn Quốc tế SAN và các nhóm kỹ thuật đã dẫn đầu một quy trình tư vấn công đồng khác – theo đúng các yêu cầu của *ISEAL Alliance's Code of Good Practice for Setting Social and Environmental Standards*, đã tạo ra kết quả ban hành hai tài liệu:

- Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững, bản tháng 4 2009
- Phụ lục SAN – Các tiêu chí bổ sung SAN, bản tháng 4 2009

Phụ lục được thiết kế bắt đầu từ việc thực hiện các thực hành tốt trên nông trại cây có dầu, mía đường và đậu nành. Phụ lục làm tăng cường các định nghĩa hệ sinh thái và bảo tồn cảnh quan, sử dụng năng lượng, khí ga phát ra từ nhà kính và quyền sử dụng đất. Các tiêu chí mới này nay đưa vào bộ tiêu chuẩn nông nghiệp bền vững bao gồm tất cả các mùa vụ do SAN ủy quyền.

Kể từ tháng 1, 2011, Phụ lục sẽ ràng buộc vào Bộ tiêu chuẩn cho tất cả các nông trại. Tài liệu này vì thế sẽ thay thế hai tài liệu đã nêu trên và bao gồm trong tất cả các nội dung của nó.

So sánh Bộ tiêu chuẩn bản tháng 4 2009 và bản tháng 7 2010

So với bản tháng 4 2009 – Bộ tiêu chuẩn nông nghiệp bền vững, hiện nay bản tháng 7 2010 - nội dung Bộ tiêu chuẩn chứa những thay đổi sau đây:

- Các tiêu chí sau đây từ Phụ lục được đưa vào: 1.11, 2.9, 7.6, 8.8 (chỉ dành cho cây mía đường), 8.9 và 10.6.
- Thêm vào, tiêu chí 2.2, 2.4, 5.13, 6.4 và 7.2 được xác định trong nội dung của nó. **Tiêu chí 7.2 hiện nay là một tiêu chí chủ chốt.**
- Cập nhật ứng dụng các tiêu chí – phần
- Xem xét các thuật ngữ và Định nghĩa – phần.
- Các phần giới thiệu mới.

Mục tiêu Bộ Tiêu chuẩn

Mục tiêu của Bộ tiêu chuẩn là khuyến khích các nông trại phân tích và làm giảm nhẹ rủi ro đối với môi trường và xã hội gây ra bởi các hoạt động nông nghiệp thông qua tiến trình động viên cải thiện liên tục. Bộ tiêu chuẩn dựa trên các chủ đề môi trường lành mạnh, công bằng xã hội và khả năng kinh tế.

Các nông trại chứng nhận điều hành hệ thống quản lý xã hội và môi trường phù hợp theo mức độ phức tạp của hệ thống và áp dụng theo quy định địa phương. Trong trường hợp các nông trại thành viên của một tập đoàn nhiều lĩnh vực của hệ thống này, bổ sung vào chương trình và phân tích chi phí sẽ được thực hiện bởi tập đoàn.

Các nông trại đăng ký năng lượng sử dụng, cố gắng giảm thiểu sử dụng năng lượng và sử dụng năng lượng tái tạo. Các nông trại không được phá hủy các hệ sinh thái sau tháng 11 2005 và thiết lập, phục hồi và bảo tồn thảm thực vật tự nhiên gần với hệ sinh thái mặt đất và dưới nước, cũng như các khu vực con người sử dụng, chẳng hạn như khu vực nhà ở hoặc con đường đi lại công cộng.

Cá nhân chủ nông trại và thành viên gia đình của họ không tham gia vào săn bắt động vật hoang dã và cũng không thúc đẩy nuôi nhốt động vật hoang dã hoặc chiết xuất thực vật hoang dã. Các nông trại chứng nhận không tham gia vào làm ô nhiễm bề mặt các nguồn nước tự nhiên và nước ngầm và hệ thống xử lý nước thải của họ.

Công nhân của nông trại được đối xử tôn trọng và phù hợp với công ước ILO; và quan trọng nhất là được thanh toán lương tối thiểu theo luật pháp, có quyền tham gia vào các cơ sở học tập và y tế sức khỏe và không hợp đồng thuê mướn lao động trẻ em dưới 15 tuổi hoặc được thiết lập bởi luật pháp địa phương

Những rủi ro về sức khỏe nghề nghiệp trên các nông trại và biện pháp chăm sóc được thực hiện để tránh tai nạn và hỗ trợ sức khỏe lâu dài của công nhân bố trí vào các hoạt động mang tính rủi ro chẳng hạn như vận hành máy móc hoặc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cho phép. Các nông trại bao gồm các thành viên cộng đồng trong lực lượng lao

động, tham gia vào tăng cường các hoạt động và có cơ chế góp ý rõ ràng phù hợp, cân nhắc ý kiến của cộng đồng đối với hoạt động nông trại.

Quyền sử dụng đất của nông trại phải hợp pháp. Nông trại đã chứng nhận giám sát sâu bọ gây hại định kỳ và nên ưu tiên áp dụng các phương pháp kiểm soát cơ học và sinh học. Nếu như loài gây hại làm thiệt hại kinh tế đáng kể, nông trại có thể áp dụng các thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, nhưng phải áp dụng chúng cùng với các biện pháp an toàn cho công nhân, cộng đồng và môi trường. Các loại cây trồng GMO không được canh tác hoặc giới thiệu trên nông trại chứng nhận. Đất của nông trại chứng nhận được phải đánh giá về khả năng sản xuất: phân bón hữu cơ áp dụng, cây che phủ được nhân rộng ra và thảm thực vật ngăn cách được trồng nhằm là giảm xói mòn và cuốn trôi trầm tích vào sông, suối hoặc hồ nước bên cạnh. Không được áp dụng phương pháp đốt cháy để chuẩn bị các lô đất sản xuất mới. Các nông trại chứng nhận nhận thức rác thải họ tạo ra. Rác thải phải tách biệt thành rác hữu cơ và không-hữu cơ. Rác thải hữu cơ được tạo thành và sử dụng lại như là phân bón, Chất nhựa dẻo, giấy và rác thải không hữu cơ khác được thu gom giao cho hệ thống xử lý, tái sử dụng một cách an toàn và nói cách khác là tái tạo theo phương pháp an toàn với khoảng cách thích hợp với khu vực hệ sinh thái và nhà ở. Nông trại tham gia vào làm giảm khí nhà kính trong hoạt động nông trại và làm thế nào để giảm carbon.

Tính tuân thủ được đánh giá qua công tác kiểm toán thực hiện bởi các đơn vị chứng nhận được SAN ủy quyền sẽ đo lường mức độ tuân thủ của nông trại đối với thực tiễn xã hội và môi trường chỉ rõ trong các tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn.

Cấu trúc Bộ Tiêu chuẩn

Bộ Tiêu chuẩn tháng 7 2010 là tài liệu hợp nhất các nội dung của các bản tháng 4 2009 - *Phụ lục SAN và Bộ Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững*. Không có sự thay đổi về các nội dung kỹ thuật liên quan đến sự ràng buộc các tiêu chí của Phụ lục SAN và Bộ Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững (bản tháng 4 2009) đã và đang được chuyển đổi thành bản tháng 7 của Bộ Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững. Biểu đồ sau đây minh họa thay đổi cấu trúc của tài liệu:



Phụ lục SAN và Bộ Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững (bản tháng 4 2009) hợp nhất thành Bộ Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững (bản tháng 7 2010).

Bộ Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững gồm có mười nguyên tắc, mỗi nguyên tắc trong số này được dựa trên cơ sở của các tiêu chí riêng biệt thúc đẩy thực tiễn tốt về môi trường, lao động và thực tiễn nông nghiệp. Bản tháng 7 2010 về Nông nghiệp Bền vững của SAN gồm có 99 tiêu chí. Tất cả tiêu chí được xác định thông qua minh họa bởi hai-cấp độ đánh số hệ thống (**1.1, 1.2, etc.) kiểu chữ đậm**. Tiêu chí ràng buộc được đề nghị trong tài liệu này theo sau định dạng giống nhau.

Phạm vi

Kể từ tháng 1 2011, toàn bộ nông trại canh tác các mùa vụ được bao gồm trong Phụ lục 2 của *Chính sách Chứng nhận Nông trại – Mạng lưới Nông nghiệp Bền vững* sẽ được kiểm toán dựa trên bản tháng 7 2010 của Bộ Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững. Tất cả nông trại và thành viên tập đoàn canh tác mùa vụ bao gồm trong Chính sách chứng nhận nông trại SAN sẽ thực hiện kiểm toán dựa theo nội dung của Bộ tiêu chuẩn nông nghiệp bền vững SAN.

Phạm vi kiểm toán chứng nhận là nông trại, được xác định như là một đơn vị sản xuất căn cứ tiến hành kiểm toán. Nó bao gồm toàn bộ nông trại, cơ sở hạ tầng, khu vực chế biến và đóng gói, khu vực bảo tồn và nhà ở. Không thực hiện các tiêu chí của các tiêu chuẩn sẽ dẫn đến kết quả là nhóm kiểm toán được ủy quyền chứng nhận từ chối (*không-tuân thủ*).

Khu vực chế biến ngoài phạm vi nông trại chế biến các sản phẩm đến từ nông trại chứng nhận sẽ bao gồm trong hệ thống truy nguyên của Rainforest Alliance. Toàn bộ chứng từ đi kèm theo các sản phẩm chứng nhận sẽ được xuất kèm hoặc chuyển từ khu vực điều hành- chẳng hạn như các hóa đơn và thông báo giao hàng xuống tàu – phải xác định rõ ràng các sản phẩm này là *Rainforest Alliance Certified™*. Một chứng nhận giao dịch được chấp thuận bởi Rainforest Alliance cho bất kỳ sản phẩm *Rainforest Alliance Certified™* phải tồn tại.

- Bất kỳ câu hỏi nào về hệ thống Truy nguyên này hoặc mới, phát triển hệ thống trực tuyến, vui lòng liên hệ, traceability@ra.org.
- Bất kỳ câu hỏi nào về làm cách nào để đăng ký hoặc sử dụng Thị trường trực tuyến, vui lòng liên hệ marketplace@ra.org.

Hệ thống tính điểm SAN

Hệ thống tính điểm sau đây được áp dụng đánh giá mức độ phù hợp so với tiêu chuẩn này:

- **Tính phù hợp chung:** Để đạt được hoặc duy trì chứng nhận, các nông trại phải tuân thủ ít nhất 50% các tiêu chí áp dụng của mỗi nguyên tắc và ít nhất 80% của toàn bộ tiêu chí áp dụng của *Bộ Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững*.
 - **Tiêu chí Chủ chốt:** Bộ *Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững* chứa 15 tiêu chí chủ chốt. Tiêu chí chủ chốt 8.8 chỉ áp dụng đối với nông trại mía đường.
 - Một nông trại phải tuân thủ hoàn toàn tất cả các tiêu chí chủ chốt để nông trại được chứng nhận hoặc duy trì chứng nhận.
 - Các tiêu chí này được xác định bằng chữ “*Tiêu chí Chủ chốt*” khi bắt đầu một tiêu chí.

- **Bất kỳ nông trại nào không tuân thủ một tiêu chí chủ chốt sẽ không được chứng nhận, hoặc việc chứng nhận sẽ bị hủy bỏ, ngay khi tất cả các yêu cầu khác cấp chứng nhận đáp ứng được.**
- **Nếu không thực hiện bất kỳ hoặc một số thực tiễn được xác định trong các tiêu chí của *Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững – Mạng lưới Nông nghiệp Bền vững*, sự kiện này sẽ đưa đến kết quả là không - phù hợp, được xác định làm cơ sở cho mỗi tiêu chí riêng biệt. Có hai loại không - phù hợp: 1) Không - Phù hợp Chủ yếu, và không - phù hợp thứ yếu. Sau đây là mức độ phù hợp được thiết lập cho từng loại:**
 1. **Không - Phù hợp Chủ yếu (MCN):** Biểu thị mức độ tuân thủ ít hơn 50% các yêu cầu một tiêu chí.
 2. **Không - phù hợp thứ yếu (mcn):** Biểu thị mức độ tuân thủ tương đương hoặc nhiều hơn 50% các yêu cầu một tiêu chí, nhưng ít hơn 100%.

Tiêu chí áp dụng

Các nhân viên kiểm toán do SAN ủy quyền sẽ đánh giá việc áp dụng từng tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn này tùy theo:

- Quy mô và tính phức tạp của hoạt động (đồn điền lớn hoặc nông trại hộ sản xuất nhỏ)
- Sử dụng hoặc không sử dụng hóa chất nông nghiệp trong khuôn khổ nông trại
- Thuê mướn lao động đã ký hợp đồng hoặc sử dụng lao động không ký hợp đồng của gia đình
- Hiện diện hoặc thiếu hệ sinh thái dưới nước hoặc trên cạn trong khuôn khổ nông trại
- Hiện diện hoặc thiếu cơ sở hạ tầng trong khuôn khổ nông trại

Các tiêu chí sau đây phải được đánh giá tại tất cả mọi thời điểm và không phải tuân theo nguyên tắc không áp dụng. Các nhân viên kiểm toán sẽ quyết định việc ứng dụng của tất cả các tiêu chí khác:

- 1.1, 1.2, 1.3, 1.5, 1.7, 1.9, 1.10, 1.11
- 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.9 (2.8 chỉ dành cho cây trồng nông lâm sản)
- 3.1, 3.3
- 4.1, 4.4, 4.8
- 5.6, 5.10, 5.15, 5.16, 5.17, 5.18
- 6.1, 6.2, 6.6, 6.7, 6.8, 6.18, 6.19
- 7.1, 7.2, 7.4, 7.5, 7.6
- 8.1, 8.6
- 9.1, 9.2, 9.4
- 10.1, 10.2, 10.3, 10.5, 10.6

Trong khuôn khổ một tiêu chí đơn lẻ, các nhân viên kiểm toán có thể đánh giá nếu như các thành tố cụ thể được áp dụng hoặc không áp dụng được và có thể điều chỉnh tính điểm phù hợp.

Các nguồn

Ý tưởng dành cho tài liệu này đã được thừa nhận từ các nguồn sau đây:

Convention on Biological Diversity. <http://www.cbd.int/>

European Commission. Health & Consumer Protection Directorate - General. Directive 79/117/EEC, Council Regulation 805/2004/EC, Directive 91/414/EEC and regulation (EC) of the European Parliament and of the Council No. 689/2008 http://ec.europa.eu/food/plant/protection/evaluation/exist_subs_rep_en.htm

European Commission Joint Research Centre. Institute for Health and Consumer Protection. <http://edexim.jrc.it/>

International Labor Organization. Convention 138 and Recommendation 146; Convention 182; Conventions 100 and 111; Conventions 29 and 105; Conventions 87 and 98 and Convention 169 concerning Indigenous and Tribal Peoples in Independent Countries. Geneva, Switzerland. www.ilo.org

International Union for Conservation of Nature and Natural Resources. 2007 IUCN Red List of Threatened Species™. 2007. Geneva, Switzerland: www.iucnredlist.org

Pesticide Action Network. Dirty Dozen pesticides: http://www.pesticideinfo.org/Docs/ref_toxicity7.html#DirtyDozen

Rotterdam Convention on the Prior Informed Consent Procedure for Certain Hazardous Chemicals and Pesticides in International Trade: <http://www.pic.int/home.php?type=t&id=29&sid=30>

United Nations. Convention on the Rights of the Child: www.unhchr.ch/html/menu3/b/k2crc.htm

United Nations. Universal Declaration of Human Rights: www.un.org/Overview/rights.html

United Nations Environment Program (UNEP). Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora (CITES): www.cites.org

United Nations Environment Program (UNEP). Stockholm Convention on Persistent Organic Pollutants (POPs). <http://www.pic.int/home.php?type=t&id=29&sid=30>

United States Environmental Protection Agency (EPA). Restricted and Canceled Uses of Pesticides. www.epa.gov/pesticides/regulating/restricted.htm#restricted

World Health Organization. The WHO recommended classification of pesticides by hazard and guidelines to classification: 2004

Thuật ngữ và Định nghĩa

- **Hóa chất Nông nghiệp:** Một chất hóa học được sử dụng trong hệ thống sản xuất nông nghiệp để duy trì tình trạng màu mỡ của đất (phân hữu cơ hoặc phân bón), kiểm soát cỏ dại (thuốc diệt cỏ), phòng chống những loài gây hại (thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm, nematicides, thuốc diệt động vật gặm nhấm, v.v.) hoặc thuốc kích thích sinh trưởng.
- **Cây trồng Nông lâm kết hợp:** Các vụ mùa có thể được phát triển trong hệ thống nông lâm nghiệp với sự hiện diện của các giải cây che bóng, dự kiến sẽ sử dụng trong hệ thống canh tác nông nghiệp. Các loại cây canh tác này được phát triển có xuất xứ từ cây che bóng rừng nhiệt đới. Các vụ thu hoạch không thể mang lại lợi ích kinh tế với sự che phủ của cây che bóng hoặc các loại cây che phủ khác, cũng như các vụ thu hoạch mà xuất xứ từ hệ thống sinh thái cùng với tình trạng khí hậu khác biệt với khí hậu rừng, chẳng hạn như vùng thảo nguyên hoặc vùng cây bụi (ví dụ về thảm thực bì *Cerrado* của Brazil) không nằm trong định nghĩa này. *“Nông lâm nghiệp là một tên chung dành cho hệ thống sử dụng đất trồng và thực hành trong đó những cây lâu năm được và/ hoặc các loài động vật được lồng ghép một cách hài hòa vào các vụ thu hoạch trên cùng một đơn vị quản lý đất giống nhau. Việc lồng ghép/ kết hợp có thể theo (pha trộn spatial mixture) không gian hoặc theo trình tự thời gian. Thông thường cả sự tác động qua lại/sự tương tác về sinh thái và kinh tế giữa hợp phần cây gỗ và không lấy gỗ trong hệ thống nông lâm nghiệp”.* World Agroforestry Centre (Source: *ICRAF, 1993*).
- **Hệ thống Nông lâm kết hợp:** Phương pháp tiếp cận tổng hợp sử dụng những lợi ích từ tác động qua lại do kết hợp cây gỗ và cây bụi với các mùa vụ và/ hoặc vật nuôi. Đây là sự kết hợp những tiến bộ công nghệ trong nông nghiệp và lâm nghiệp nhằm tạo thêm tính đa dạng, tăng năng suất, mang lại nhiều lợi ích, sức khỏe và tính bền vững của hệ thống sử dụng đất. (Nguồn: *USDA National Agroforestry Center (NAC)*).
- **Hệ sinh thái dưới nước:** Hồ, phá, sông, suối, lạch nước, đầm ngập nước, đầm lầy, bãi lầy hoặc các khu vực có nước tồn tại trong tự nhiên.
- **Khu vực ảnh hưởng:** Toàn bộ nông trại, cơ sở hạ tầng, khu vực chế biến và đóng gói trong khuôn khổ ranh giới nông trại, cũng như khu vực tác động và tất cả công nhân sẽ chịu ảnh hưởng đối với hoạt động của nông trại.
- **Kiểm toán:** Một tiến trình có hệ thống, độc lập và dẫn chứng bằng tài liệu để thu thập bằng chứng và đánh giá khách quan nhằm xác định mức độ nhất định các yêu cầu cụ thể đã hoàn thành (Source: *ISEAL Alliance*).
- **Thực tiễn Quản lý Tốt nhất:** Các hoạt động hoặc quy trình có khả năng làm được trong quá trình sản xuất bằng cách áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ sẵn có để bảo tồn các hệ sinh thái và nguồn tài nguyên thiên nhiên, theo đó bảo đảm lợi ích dài hạn cho công nhân, chủ nông trại và cộng đồng.
- **Chất hóa học (Carbamat):** Carbamat, hoặc urethanes, là nhóm hợp chất hữu cơ có cùng nhóm chức năng với cấu trúc chung – NH (CO) O -. Chất hóa học là esters của carbamat acid, NH₂COOH, một hợp chất không bền. Khi carbamic acid chứa nitrogen liên kết với một nhóm carboxyl, cũng được xem là một amide.
- **Carbon dioxide hấp thụ:** Lưu giữ carbon dioxide trong khí quyển (CO₂) trong chất rắn (chẳng hạn như trồng cây, hoặc các thảm thực vật khác, và đất hoặc carbon chìm thông qua quá trình sinh học hoặc vật lý, chẳng hạn như quang hợp CO₂

cô lập là một trong những phương tiện để giảm thiểu sự tích tụ khí nhà kính trong khí quyển phát ra do đốt các nhiên liệu hóa thạch

- **Cơ quan Chứng nhận:** Đơn vị quyết định ủy quyền, trì hoãn hoặc hủy bỏ chứng nhận *Rainforest Alliance Certified™* của một nông trại hoặc một tập đoàn. Cơ quan chứng nhận sẽ ký hợp đồng phụ với các đơn vị thanh tra và kiểm soát chất lượng thực hiện của họ.
- **Sản phẩm được Chứng nhận:** Cây trồng và sản phẩm thu hoạch từ chúng, được sản xuất từ nông trại được chứng nhận dành cho mục đích thương mại. Các sản phẩm này bao gồm sản phẩm đã chế biến hoặc bán chế biến không được trộn lẫn với sản phẩm từ các nông trại không được chứng nhận.
- **Kênh mương:** Bề mặt của một con sông, suối hoặc dòng nước tự nhiên khác chảy qua. Đồng thời được biết đến như là “lòng sông”.
- **Cholinesterase:** Một loại enzyme được sản sinh trong gan. Khi tồn tại ở dưới dạng, acetylcholinesterase, nó có chứa liên kết neurosynaptic, khi tồn tại ở một dạng khác butyryl cholinesterase, trong huyết tương và tuyến tụy, mặc dầu chỉ tồn tại một số lượng nhỏ trong các mô bao kể cả trong máu của chúng ta. Thuốc trừ sâu Organophosphate (Phốt phát hữu cơ) sẽ kìm hãm cholinesterase bằng cách tạo ra những liên kết cộng hóa trị thông qua một quá trình gọi là phosphorylation.
- **Công nghệ sạch:** Sản phẩm, dịch vụ và các quá trình kết hợp chặt chẽ nhau trong quá trình tái tạo vật liệu và nguồn năng lượng, giảm sử dụng các tài nguyên thiên nhiên, và cắt giảm hoặc loại bỏ phát thải ra hoặc chất thải. Công nghệ sạch bao gồm năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, điện, thủy điện và và nhiên liệu sinh học), công nghệ thông tin, vận chuyển xanh, động cơ điện, chiếu sáng, và các thiết bị khác tạo ra năng lượng hiệu quả hơn.
- **Năng lực chuyên môn:** Một người chứng minh được sự thành thạo về chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm trong lĩnh vực cụ thể khi cần cung cấp tư vấn.
- **Mối liên kết:** Mối liên kết là mức độ mà cảnh quan cho phép kết nối hoặc ngăn chặn sự chuyển động các nguồn. Kết nối cảnh quan bao gồm kết nối các cấu trúc (không gian cấu trúc của một cảnh quan mà có thể được mô tả từ các thành tố bản đồ) và chức năng kết nối (phản ứng các cá nhân kết nối đến các tính năng phong cảnh hoặc thành tố sinh học). Kết nối cho phép sự di chuyển của loài giữa các hệ sinh thái từ các vùng đất nhỏ và chức năng hệ sinh thái trong khuôn khổ một cảnh quan.
- **Bảo tồn hệ sinh thái:** Bảo tồn hệ sinh thái và môi trường sống tự nhiên và duy trì, giữ gìn và phục hồi mật độ các loài sinh vật cây cối trong khu vực tự nhiên phụ cận và, trong trường hợp những loài đã thuần hóa hoặc canh tác, trong khu vực phụ cận nơi mà các loài sinh vật này đã phát triển thành tài sản riêng biệt (*Nguồn: Hội nghị Đa dạng Sinh học*).
- **Cải thiện liên tục:** Các hoạt động diễn ra định kỳ có ảnh hưởng đến tăng cường khả năng của tập đoàn nhằm hoàn thành các yêu cầu cụ thể. Tiến trình thiết lập mục tiêu và tìm kiếm cơ hội cải thiện là một tiến trình liên tục, trên cơ sở đánh giá rủi ro, phát hiện của kiểm toán, đánh giá công tác quản lý và các phương tiện khác (*Nguồn: ISEAL Alliance*).
- **Hợp đồng:** Là một thỏa thuận ràng buộc (*Nguồn: ISEAL Alliance*).
- **Phá hủy hệ sinh thái:** Sự mất ổn định hệ sinh thái một cách đáng kể dù trực tiếp hay gián tiếp do con người gây ra. Đối với trường hợp hệ sinh thái tự nhiên trên mặt đất bao gồm việc cưa đốn cây gỗ, thu gom/khai thác cây không lấy gỗ, đốt, phun tưới thuốc diệt cỏ hoặc thuốc trừ sâu, từng phần hoặc toàn bộ khu vực đất nông nghiệp bảo tồn, sử dụng đô thị, phát triển, hoặc đất hoang, cũng như có ý định giới thiệu thay

thể hoặc các loài du nhập. Đối với hệ sinh thái dưới nước, bao gồm cả sự thay đổi ở độ sâu hoặc theo hướng dòng chảy hoặc khu vực đầm lầy bị khô. Trong khuôn khổ định nghĩa này, đồng thời cũng bao gồm các thảm họa do thiên tai gây ra, chẳng hạn như lũ lụt, sóng thần, động đất, bão lớn, bão nhỏ, lốc xoáy hoặc gió mạnh, cũng như sự lở đất.

- **Phân biệt đối xử:** Bất kỳ biểu hiện nào, phân biệt hoặc ưu đãi trên cơ sở chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, quan điểm chính trị, quốc gia hoặc nguồn gốc xã hội (hoặc bất kỳ động cơ nào khác được xác định như nêu trên) tạo ra cơ hội bình đẳng làm tăng lên hoặc giảm cơ hội bình đẳng hoặc đối xử công bằng trong tuyển dụng hoặc trong công việc (*Source: International Labor Organization*).
- **Tài liệu:** Thông tin và phương tiện truyền thông hỗ trợ. Phương tiện truyền thông hỗ trợ có thể là tài liệu giấy tờ, các vật mẫu, hình ảnh hoặc các đĩa từ, đĩa hình ảnh hoặc đĩa điện tử.
- **Sự rửa trôi:** Tình trạng giảm đi những mảnh nhỏ theo hướng do sử dụng hóa chất nông nghiệp gây ra.
- **Ngưỡng Kinh tế (Quản lý Dịch hại tổng hợp):** Mức độ phá hoại hoặc tấn công của các loài gây hại vào những lợi nhuận thu được (ví dụ, trong điều kiện sản lượng hoặc mùa vụ được cứu nguy) bao gồm chi phí xử lý hoặc chi phí áp dụng.
- **Sự xói mòn:** Di chuyển hoặc thay thế của đất gây ra do chuyển động của nước hoặc gió. Việc xói mòn bao hàm tầng đất bị cuốn trôi hoặc tầng địa chất "A" (tầng đất mặt) của đất.
- **Các loài ngoại lai:** Đó là những loài không phải xuất hiện tự nhiên ở bản địa nơi chúng được tìm thấy. Các loài/hình thái được giới thiệu từ các vùng hoặc khu vực khác.
- **Nông trại:** Đơn vị chủ thể của việc cấp chứng nhận hoặc kiểm toán.
- **Chủ nông trại:** Đối với mục đích của Tiêu chuẩn này, một người hoặc một chủ thể quản lý một nông trại hoặc một tập đoàn các nông trại. Chủ nông trại có thể là một công ty, một chủ nông trại cá nhân, một hợp tác xã, tổ chức hoặc cá nhân khác có trách nhiệm điều hành quản lý nông trại.
- **Khí nhà kính:** Khí nhà kính là chất khí góp phần vào hiệu ứng nhà kính tự nhiên. Nghị định thư Kyoto bao gồm một gói gồm sáu loại khí nhà kính (GHGs) sản xuất ra bởi các hoạt động con người: carbon dioxide, methane, nitrous oxide, hydrofluorocarbons, perfluorocarbons and sulphur hexafluoride (*Source: European Environment Agency. Environmental Terminology and Discovery Service (ETDS)*).
- **Hệ sinh thái giá trị cao:** Hệ sinh thái tự nhiên có tầm quan trọng đặc biệt đối với bảo tồn môi trường, chẳng hạn như môi trường sống có khả năng cho phép sinh sản các loài sinh vật đặc hữu tự nhiên hoặc các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng hoặc hoặc động vật hoang dã có thể tồn tại làm chủ hoặc quần thể thực vật; cung cấp dịch vụ hệ sinh thái chẳng hạn như bảo vệ nguồn nước trong tình trạng nghiêm trọng; hoặc hệ sinh thái khan hiếm. Ví dụ rừng nguyên sinh hoặc rừng thứ sinh, cây bụi và vùng đất cỏ, paromo, suối, sông, hồ, đầm phá, đầm lầy, ngập nước, bãi lầy. Mỗi đại diện SAN cung cấp thêm chỉ số hướng dẫn địa phương vào định nghĩa này- cân nhắc các điều kiện lý sinh.
- **Khu vực con người hoạt động:** Một khu vực của nông trại mà con người thường xuyên đến làm việc hoặc học tập với mục đích liên quan đến nông trại, hoặc khu vực mà con người sống hoặc đi lại thường xuyên. Các ví dụ bao gồm: nhà máy đóng gói,

xưởng chế biến cà phê, các cơ sở kho, phân xưởng, văn phòng, trường học, trạm y tế, nhà ở, khu vực giải trí, đường xá công cộng và tư nhân.

- **Tác động:** Sự vi phạm, kết quả, hậu quả hoặc những ảnh hưởng thường xuyên tương tự do con người hoặc thiên nhiên gây ra. Những tác động có thể mang tính tích cực hoặc tiêu cực. Những tác động có thể ảnh hưởng đến hệ thống tự nhiên, môi trường, động vật, mật độ thực vật hoặc các cá thể (tác động môi trường), hoặc cá nhân con người hoặc dân số (tác động xã hội).
- **Cơ quan thanh tra:** Một đơn vị tiến hành kiểm toán cấp chứng nhận của *Rainforest Alliance Certified™* cho các nông trại hoặc tập đoàn. Cơ quan thanh tra phải tuân thủ các điều kiện theo hợp đồng phụ được xác định bởi Tổ chức cấp chứng nhận.
- **Quản lý Dịch hại Tổng hợp (IPM):** Chiến lược phòng trừ dài hạn để chống lại loài gây hại, liên quan đến kết hợp các kỹ thuật, chẳng hạn như kiểm soát sinh học (sử dụng sinh vật hoặc vi khuẩn có lợi), sử dụng các loài có tính chống chịu mùa vụ khác nhau và áp dụng các thực tiễn nông nghiệp định hướng (phun thuốc, bón phân, tỉa cành). Mục tiêu của IPM là làm hạn chế điều kiện thuận lợi để loài gây hại phát triển. Thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng chỉ khi sự thiệt hại lớn hơn mức độ chủ nông trại có thể duy trì về mặt kinh tế (xem ngưỡng kinh tế).
- **Cảnh quan:** Các hình thái có thể thấy được của một khu đất, bao gồm các yếu tố vật lý chẳng hạn như địa hình, các thành tố sinh sống của hệ thực vật và động vật, các thành tố trừu tượng như ánh sáng, điều kiện thời tiết và thành tố con người, cho hoạt động tức thời của con người hoặc hoạt động do môi trường tạo ra.
- **Sở hữu đất đai:** Sở hữu đất đai là một tên đặt ra, cụ thể theo hệ thống pháp luật, dưới một chế độ hợp pháp trong đó đất đai do cá nhân sở hữu, người được giới thiệu là “nắm giữ” đất đai.
- **Hàng rào sống:** Sử dụng các loài cây lấy gỗ sống làm hàng rào. Điều này có thể bao gồm những cây riêng biệt được kết nối với dây hoặc vật liệu làm hàng rào mà không cần kết nối với dây.
- **Rối loạn y tế:** Chức năng bất thường hoặc các điều kiện quấy rối hoặc bất kỳ điều kiện bất thường nào làm suy yếu hoạt động cơ thể người. Rối loạn y tế có thể phân loại thành rối loạn tâm thần, rối loạn thể chất, rối loạn di truyền, rối loạn hành vi và rối loạn chức năng.
- **Kế hoạch giảm nhẹ:** Một loạt các hành động được nhằm bù đắp sự phá hủy hệ sinh thái tự nhiên bao gồm xác định cam kết từ người có trách nhiệm và thời gian cụ thể cho mỗi hành động. Hành động bao gồm trồng cây bản địa và các loài cây, thiết lập khu vực tái sinh tự nhiên, cũng như thực hiện các biện pháp bảo tồn cho phép bởi cơ quan do chính phủ ủy quyền.
- **Sự giảm nhẹ:** Các dự án hoặc chương trình định hướng hỗ trợ làm giảm nhẹ tác động đối với nguồn tài nguyên hiện có, con người hoặc cộng đồng.
- **Công tác Giám sát:** Sự quan sát theo dõi một cách hệ thống của những thay đổi hoặc những tác động đến môi trường hoặc con người do hoạt động con người, trong trường hợp này, là hoạt động nông nghiệp.
- **Loài địa phương:** Đó là những loài xuất hiện một cách tự nhiên ở nơi mà chúng được tìm thấy. Đối với Tiêu chuẩn này những loài đã tự nhiên hóa - những loài nhập từ nước ngoài vào/loài nhập nội đã thích nghi với môi trường và phát triển và tăng trưởng như là nơi xuất xứ của chúng - cũng được xem như là loài địa phương nếu như chứng minh được các loài này không gây ra tác động tiêu cực về kinh tế hoặc môi trường.

- **Hệ Sinh thái tự nhiên:** Một cộng đồng hợp thành bởi quần xã thực vật, động vật và vi sinh vật và môi trường vô sinh tác động lẫn nhau tạo thành đơn vị chức năng (*Nguồn: Hội nghị Sinh thái*). Các ví dụ về hệ sinh thái sống dưới nước, chẳng hạn như suối, sông, hồ, ao, hồ lớn, đầm phá hoặc các khu vực có nước tồn tại trong tự nhiên; khu vực đầm lầy chẳng hạn như vùng ngập nước, khu sinh lầy, vùng ngập mặn và đầm lầy; hệ sinh thái trên mặt đất, chẳng hạn như rừng nguyên sinh và rừng thứ sinh, vùng đất cây bụi, trảng cỏ hoặc các loài chiếm ưu thế khác có trong tự nhiên tồn tại qua các giai đoạn mà không bị tác động đáng kể bởi con người trong thời gian ít nhất 10 năm. Mỗi đại diện SAN sẽ cung cấp thêm theo cách diễn đạt địa phương để cân nhắc các điều kiện của lý sinh địa phương.
- **Nguồn tài nguyên thiên nhiên:** Một nét đặc trưng hoặc thành tố của môi trường tự nhiên là mang lại giá trị phục vụ cho các nhu cầu con người, cụ thể là đất, nước, đời sống thực vật, động vật hoang dã, v.v. Một số nguồn tài nguyên có giá trị kinh tế (cụ thể là gỗ xây dựng) trong khi đó một số khác giá trị “không kinh tế” (cụ thể là vẻ đẹp cảnh quan) (Source: UNUN <http://www.eionet.europa.eu>).
- **Phốt pho hữu cơ (Organophosphates):** Là tên chung dành cho acid phosphoric. Nhiều chất sinh hóa là Phốt pho hữu cơ bao gồm phân tử DNA và RNA cũng như nhiều loại đồng yếu tố thiết yếu cho cuộc sống. Phốt pho hữu cơ là thành phần cơ bản của nhiều loại thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, và chất truyền thần kinh Organophosphates được sử dụng làm dung môi, làm hóa dẻo, và chất phụ gia EP.
- **Chính sách:** Mục đích mang tính toàn cầu và của nông trại hoặc định hướng kinh doanh liên quan đến Bộ tiêu chuẩn và các yêu cầu của nó.
- **Nước có thể uống được:** Nước có chất lượng đầy đủ có thể uống được hoặc sử dụng được mà không mang lại rủi ro trước mắt hoặc gây thiệt hại lâu dài.
- **Rừng nguyên sinh:** A Là khu rừng có nguồn gốc trước đây đã bao phủ khu vực trước khi thay đổi môi trường do con người gây ra (Nguồn: PHC <http://www.eionet.europa.eu>).
- **Quy trình:** Quy trình là cách thức cụ thể để thực hiện một hoạt động hoặc một tiến trình (*Nguồn: ISEAL Alliance*).
- **Chương trình:** Các thành tố của một hệ thống bao gồm mục tiêu, mục đích, chính sách, quy trình và các thành tố khác, lập kế hoạch và tài liệu hóa việc thực hiện đảm bảo làm đúng theo bộ tiêu chuẩn.
- **Khu vực được bảo vệ:** Đất đai hoặc tài sản được luật pháp bảo vệ nhằm bảo tồn hoặc bảo vệ đa dạng sinh thái và các dịch vụ môi trường. Các ví dụ bao gồm: vườn quốc gia, khu lưu trú của động vật hoang dã, khu rừng bảo tồn và rừng tự nhiên. Một số khu vực được bảo vệ có thể bao gồm đất tư nhân nơi một số hoạt động kinh tế nào đó được phép thực hiện theo quy định của luật.
- **Vùng bảo vệ:** Các khu vực ít thâm canh và việc sử dụng đất sử dụng được kiểm soát với mục đích làm giảm tác động của hoạt động con người đến hệ sinh thái. Liên quan đến Tiêu chuẩn này, các khu bảo vệ cũng là các khu thực vật gần suối hồ nước lớn hoặc hồ nhỏ, hoặc có biên giới với khu vực nước tự nhiên làm ngăn cản dòng chảy hoặc rửa trôi chất hóa học nông nghiệp từ khu vực sản xuất.
- **Nguồn tiếp nhận:** Nguồn nước tự nhiên nhận nước thải (được xử lý hoặc không được xử lý), đến từ hoạt động công nghiệp, nông nghiệp hoặc từ hoạt động sinh hoạt của trang trại.
- **Hồ sơ ghi chép:** Các tài liệu diễn giải kết quả đạt được hoặc cung cấp bằng chứng của các hoạt động đã thực hiện (*Source: ISEAL Alliance*).

- **Thời kỳ cách ly:** Số lượng thời gian tối thiểu trôi qua giữa các thời điểm áp dụng phun tưới thuốc trừ sâu cho một khu vực hoặc một mùa vụ và thời điểm mà con người có thể đi vào lại khu vực đó mà không cần quần áo hoặc thiết bị bảo vệ.
- **Tái tạo Hydrat hóa :** Quá trình phục hồi nước bị mất đến các mô và dịch cơ thể. Việc bù nước là nhu cầu cấp bách bất cứ khi nào bị mất nước từ tiếp xúc, tiêu chảy, thiếu nước uống hoặc do sử dụng thuốc. Có thể được bù nước bằng uống nước hoặc tiêm dịch vào tĩnh mạch.
- **Tái tạo năng lượng:** Các nguồn năng lượng không phụ thuộc vào nhiên liệu trong đó nguồn dự trữ bị hạn chế. Hầu hết nguồn năng lượng tái tạo sử dụng rộng rãi là từ thủy điện.; các nguồn khác là từ năng lượng sinh khối, năng lượng mặt trời, năng lượng thủy triều, sóng năng lượng và năng lượng gió. EEA multilingual environmental glossary (<http://glossary.eea.europa.eu>).
- **Sức đề kháng:** Khả năng cơ bản của một sinh vật ngăn ngừa tấn công của một nguồn bệnh tiềm tàng đến gần ở mức độ nào đó hoặc chống lại ảnh hưởng của tác nhân gây hại.
- **Rừng thứ sinh:** Rừng tự nhiên được trồng sau khi bị tàn phá nghiêm trọng, cụ thể là đốn gỗ, đốt rừng hoặc bị sâu bọ tấn công (Source: European Community Biodiversity Clearing-House Mechanism. <http://glossary.eea.europa.eu>).
- **Bình xịt:** Là một thiết bị có gắn động cơ sử dụng để bơm hóa chất nông nghiệp. Được treo vào hai cánh tay để phun hóa chất thông qua vòi phun ở dạng phun tán hoặc phun dạng bụi.
- **Tiêu chuẩn:** Tài liệu cung cấp, để cùng sử dụng chung và được lặp lại đều đặn, theo nguyên tắc, hướng dẫn hoặc mang lại đặc trưng tiêu biểu cho sản phẩm hoặc liên quan đến các quy trình và phương pháp sản xuất, cùng với tính phù hợp không bắt buộc. Tiêu chuẩn đồng thời có thể bao gồm hoặc liên quan đến các thuật ngữ riêng biệt, biểu tượng đặc trưng, cách thức đóng gói, hoặc yêu cầu về đánh dấu hoặc ghi nhãn áp dụng cho sản phẩm, quy trình hoặc phương pháp sản xuất (Source: *Annex 1, WTOTBT Agreement*).
- **Hệ thống:** Một tập hợp các thành tố có ảnh hưởng tác động và liên quan lẫn nhau. Một hệ thống quản lý là một hệ thống thiết lập chính sách và mục tiêu và thực hiện đạt được mục tiêu.
- **Các loài bị đe dọa và bị nguy hiểm:** Các quần thể thực vật và động vật đang bị đe dọa và bị nguy hiểm căn cứ theo luật cũng như Liên minh quốc tế về Quy ước đối với tự nhiên và thiên nhiên, các Loài bị Đe dọa TM theo Danh mục Đỏ của IUCN.
- **Chuyển đổi gen sinh vật:** Sinh vật đã biến đổi gen di truyền (GMO) hoặc sinh vật đã thay đổi cấu trúc gen di truyền (GEO), bằng cách sử dụng kỹ thuật thay đổi cấu trúc gen. Những kỹ thuật này được biết đến như là công nghệ sinh học tổng hợp phân tử DNA. Với công nghệ này, các phân tử DNA từ nhiều nguồn khác nhau được kết hợp lại thành một phân tử để tạo thành một bộ gen mới. Sau đó Phân tử DNA mới này được chuyển vào cơ thể một sinh vật, để tạo cho sinh vật này những thay đổi hoặc mang đặc tính mới.
- **Rác thải:** Là vật liệu hoặc chất thừa hoặc không cần đến. Khái niệm này cũng liên quan đến rác thải, bã /cành cây tĩa ra, rác, hoặc những thứ bỏ đi tùy theo loại vật liệu và thuật ngữ của vùng. Hầu hết rác thải bao gồm giấy, nhựa, kim loại, kính, thức ăn thừa, vật liệu hữu cơ, phân và vật liệu gỗ.
- **Nước thải:** Bất kỳ dung dịch nước nào mà chất lượng bị ảnh hưởng theo hướng bất lợi do hoạt động con người gây ra. Khái niệm này bao gồm dung dịch nước thải từ

sinh hoạt của người dân địa phương, các cơ sở thương mại và công nghiệp, và/hoặc hoạt động nông nghiệp và có thể chứa đựng và tập trung tiềm năng ô nhiễm lớn.

TIÊU CHUẨN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

1. HỆ THỐNG QUẢN LÝ XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

Phần Tóm tắt của Nguyên tắc (không bắt buộc đối với mục đích kiểm toán): Hệ thống quản lý xã hội và môi trường là một tập hợp các chính sách và thủ tục được quản lý bởi ban quản lý nông trại hoặc ban quản lý tập đoàn trong công tác lập kế hoạch và hoạt động điều hành theo thể thức thúc đẩy thực hiện các thực tiễn tốt được chỉ rõ trong bộ tiêu chuẩn này. Hệ thống quản lý xã hội và môi trường là động lực và khả năng thích nghi với những thay đổi đang diễn ra. Nó cũng là sự kết hợp các kết quả đánh giá nội bộ và bên ngoài để khuyến khích và hỗ trợ cải thiện liên tục trên nông trại. Quy mô và tính phức tạp của hệ thống quản lý xã hội và môi trường phụ thuộc mức độ rủi ro và quy mô và tính phức tạp của hoạt động, vụ thu hoạch, cũng như các nhân tố xã hội và môi trường bên trong và bên ngoài nông trại.

- 1.1 Nông trại phải có hệ thống quản lý về môi trường và xã hội theo quy mô và tính chất phức tạp của hoạt động bao gồm các chính sách, chương trình và thủ tục cần thiết chứng minh tính phù hợp với tiêu chuẩn này và luật pháp từng quốc gia quy định đối với các lĩnh vực về xã hội, lao động và môi trường của nông trại – Bất kỳ bên nào nghiêm ngặt hơn.**
- 1.2 Nông trại phải thực hiện các hoạt động thường xuyên hoặc lâu dài để thực hiện áp dụng Bộ tiêu chuẩn này thông qua những chương trình khác nhau. Chương trình hệ thống quản lý môi trường và xã hội phải bao gồm các yếu tố sau đây:**
 - a. Mục tiêu và mục đích ngắn hạn, trung hạn, và dài hạn.**
 - b. Danh sách của các hoạt động được thực hiện bởi mỗi chương trình và khung thời gian hoặc kế hoạch chỉ rõ khi nào các hoạt động sẽ được thực hiện.**
 - c. Xác định người có trách nhiệm thực hiện hoạt động.**
 - d. Chính sách và quy trình được thiết lập nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả các hoạt động và phù hợp tiêu chuẩn.**
 - e. Bản đồ xác định các dự án, cơ sở hạ tầng và các khu vực đặc biệt (dành cho bảo tồn và bảo vệ) liên quan đến các hoạt động được chỉ định hoặc các yêu cầu của Tiêu chuẩn này.**
 - f. Tài liệu ghi chép nhằm chứng minh rằng chương trình được thực hiện một cách đầy đủ.**
- 1.3 Lãnh đạo cấp cao hơn của nông trại phải chứng minh tính cam kết đối với việc cấp chứng nhận và tuân thủ theo yêu cầu của Tiêu chuẩn và quy định của luật pháp. Công tác quản lý cũng phải áp dụng tương tự và công nhận hệ thống và các chương trình và hỗ trợ thực hiện bằng cách cung cấp những nguồn lực cần thiết.**
- 1.4 Mục tiêu và bản tóm tắt hệ thống quản lý xã hội và môi trường và các chương trình của hệ thống phải có sẵn và phải giới thiệu cho công nhân.**

- 1.5 Nông trại phải lưu trữ tại văn phòng hoặc tại cơ sở toàn bộ chứng từ và hồ sơ ghi chép đã xây dựng cho hệ thống quản lý xã hội và môi trường, trong ít nhất 3 năm hoặc trong khoảng thời gian định hướng được giới thiệu trong bộ tiêu chuẩn này. Các hồ sơ tài liệu này phải có sẵn cho người có trách nhiệm thực hiện các hoạt động và các chương trình khác nhau của kế hoạch quản lý xã hội và môi trường.**
- 1.5 Phải tiến hành đánh giá tác động mạnh mẽ về xã hội và môi trường gây ra do những hoạt động hoặc công trình mới. Những hoạt động này bao gồm mở rộng khu vực sản xuất, xây dựng hoặc lắp đặt cơ sở hạ tầng mới, hoặc thay đổi chủ chốt trong hệ thống sản xuất hoặc chế biến. Công tác đánh giá phải được tiến hành khi bắt đầu bất kỳ sự thay đổi hoặc công trình mới nào theo quy định của luật pháp, trường hợp không có luật, thì căn cứ và các phương pháp kỹ thuật được chấp nhận hoặc được công nhận. Bất kỳ cuộc đánh giá nào cũng phải bao gồm quy trình theo dõi giám sát và đánh giá những tác động đáng kể đã xác định hoặc không nhìn thấy trước trong quá trình phát triển các công trình hoặc hoạt động mới.**
- 1.7 Nông trại phải thực hiện các quy trình theo dõi, đo lường và phân tích, bao gồm kiến nghị của công nhân, người khác hoặc nhóm khác, nhằm mục đích đánh giá chức năng và hệ thống quản lý môi trường và mức độ tuân thủ của nông trại đối với luật áp dụng và tiêu chuẩn này. Kết quả của tiến trình theo dõi này phải được ghi chép lại và tập hợp thành một bộ phận hợp nhất với hệ thống quản lý xã hội và môi trường thông qua kế hoạch và chương trình cải thiện liên tục. Chương trình cải thiện liên tục phải bao gồm những hành động sửa chữa cần thiết để điều chỉnh lại những tình huống không phù hợp, cũng như cơ chế cần thiết nhằm xác định nếu như các hành động được thực hiện và nếu chúng mang lại kết quả cải thiện hoặc cần phải điều chỉnh để đạt được kết quả mong đợi.**
- 1.8 Những người cung cấp dịch vụ cho nông trại phải cam kết tuân theo yêu cầu về môi trường, xã hội và lao động của tiêu chuẩn này, không những chỉ tuân theo trong khi hoạt động ở nông trại mà còn đối với bất kỳ hoạt động bên ngoài nông trại liên quan đến dịch vụ cung cấp. Nông trại phải xây dựng cơ chế đánh giá đối với đơn vị cung cấp dịch vụ và kiểm tra rằng chúng đã theo đúng tiêu chuẩn này. Nông trại không được dùng dịch vụ của các nhà cung cấp hoặc nhà thầu không tuân theo yêu cầu về môi trường, lao động và xã hội của tiêu chuẩn này.**
- 1.9 Nông trại phải tiến hành một chương trình tập huấn và giáo dục để đảm bảo hiệu quả thực hiện của hệ thống quản lý xã hội và môi trường và các chương trình. Các chủ đề tập huấn cần xác định phù hợp với tiêu chuẩn, vị trí và loại hình công việc được tiến hành. Phải lưu giữ các hồ sơ ghi chép, bao gồm chữ ký người tham gia, chủ đề đào tạo và tên người tập huấn của mỗi đợt tập huấn hoặc hoạt động giáo dục. Việc tham gia tập huấn theo yêu cầu được thanh toán như là một phần của ngày làm việc bình thường.**

- 1.10 *Tiêu chí Chủ chốt.*** Nông trại phải có một hệ thống phân loại nhằm tránh làm trộn lẫn sản phẩm được chứng nhận và không được chứng nhận tại các cơ sở của nông trại, bao gồm công tác thu hoạch, bảo quản, chế biến và đóng gói sản phẩm, cũng như công tác vận chuyển. Phải ghi chép tất cả những giao dịch liên quan sản phẩm được chứng nhận. Sản phẩm khi rời nông trại phải được xác định đúng và được kèm theo các chứng từ liên quan chỉ rõ xuất xứ của nông trại được chứng nhận.
- 1.11** Nông trại hàng năm phải mô tả nguồn năng lượng sử dụng và số lượng năng lượng đã sử dụng từ mỗi nguồn cho quá trình sản xuất, vận chuyển, và sử dụng sinh hoạt gia đình trong khuôn khổ hạn chế nông trại. Nông trại phải có kế hoạch sử dụng năng lượng hiệu quả với mục tiêu và mục đích và thực hiện các hoạt động để tăng cường tính hiệu quả, đối với việc giảm phụ thuộc vào nguồn năng lượng không tái tạo và làm tăng sử dụng tái tạo năng lượng. Bất kỳ nơi nào thích hợp, phải ưu tiên sử dụng nguồn năng lượng trên nông trại.

2. BẢO TỒN HỆ SINH THÁI

Phần Tóm tắt của Nguyên tắc (không bắt buộc đối với mục đích kiểm toán) Hệ sinh thái tự nhiên là các thành tố cần thiết của nông nghiệp và vùng nông thôn. Sự hấp thụ khí carbonic, sự thụ phấn, kiểm soát sâu bệnh hại, đa dạng sinh học và bảo tồn tài nguyên đất và nước chỉ là một trong số lợi ích mà hệ sinh thái tự nhiên mang lại cho nông trại. Các nông trại được chứng nhận sẽ bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên này đồng thời thực hiện các hoạt động khôi phục hệ sinh thái bị xuống cấp. Tập trung nhấn mạnh vào phục hồi các hệ sinh thái trong khu vực không phù hợp cho nông nghiệp, ví dụ như thiết lập lại các khu rừng ven sông là hoạt động chủ chốt nhằm bảo vệ các nguồn nước kênh mương. Mạng lưới nông nghiệp bền vững thừa nhận rằng các khu rừng và nông trại là nguồn tài nguyên tiềm năng cho sản phẩm gỗ xây dựng và sản phẩm ngoài gỗ mà giúp đa dạng hóa nguồn thu nhập của nông trại khi chúng được quản lý theo một thể thức bền vững.

- 2.1 *Tiêu chí Chủ chốt.*** Tất cả các hệ sinh thái tự nhiên đang tồn tại, cả dưới nước lẫn trên cạn, phải được xác định, được bảo vệ và được khôi phục thông qua chương trình bảo tồn. Chương trình bảo tồn phải bao gồm phục hồi hệ sinh thái tự nhiên hoặc tái trồng rừng ở những khu vực thuộc phạm vi nông trại mà không phù hợp cho canh tác nông nghiệp.
- 2.2 *Tiêu chí chủ chốt.*** Kể từ ngày áp dụng chứng nhận trở đi, nông trại không được phá hủy bất kỳ hệ sinh thái tự nhiên nào.
Thêm vào đó, kể từ 1 tháng 11 2005 trở đi, không được phá hủy bất kỳ hệ sinh thái có giá trị cao bị phá hủy vì hoặc do các hoạt động quản lý nông trại. Nếu như có bất kỳ hệ sinh thái tự nhiên nào bị phá hủy vì hoặc do các hoạt động quản lý nông trại giữa tháng 1 1999 và tháng 1 2005, nông trại phải tiến hành thực hiện phân tích và xây dựng kế hoạch làm giảm nhẹ sau đây:
 - a. Tiến hành phân tích hệ sinh thái bị phá hủy bằng tài liệu trong phạm vi và tác động sinh thái do bị phá hủy.
 - b. Xây dựng kế hoạch giảm nhẹ với ý kiến tư vấn của các nhà chuyên môn có năng lực phù hợp với luật địa phương để làm giảm nhẹ tác động tiêu cực.
 - c. Thực hiện các hoạt động kế hoạch giảm nhẹ này, bao gồm ví dụ điển hình tỷ lệ đáng kể khu vực nông trại cho mục đích bảo tồn.
- 2.3** Khu vực sản xuất không được đặt ở những nơi có thể gây ra những tác động tiêu cực đến công viên quốc gia, nơi cư trú của động vật hoang dã, hành lang sinh vật, khu bảo tồn rừng, những vùng đệm hoặc khu vực bảo tồn sinh học khác của công hoặc tư nhân.
- 2.4** Không được phép thu hoạch những loài thực vật và động vật bị đe dọa hoặc nguy cơ bị tuyệt chủng. Không được phép chứng nhận cho những nông trại có các khu vực do phá rừng trong vòng 2 năm trước đến thời điểm tiếp xúc đầu tiên liên quan đến chứng nhận. Việc cưa đốn, chiết xuất hoặc thu hoạch cây gỗ, thực vật và các sản phẩm khác không phải gỗ từ rừng chỉ được phép trong trường hợp khi nông trại thực hiện kế hoạch quản lý bền vững được phê duyệt của chính quyền có thẩm quyền và có tất cả các

giấy phép theo yêu cầu luật pháp. Nếu không có luật áp dụng, kế hoạch phải được cơ quan chuyên môn có thẩm quyền xây dựng.

- 2.5 Phải có sự tách biệt tối thiểu giữa khu vực sản xuất từ vùng sinh thái sinh thái tự nhiên nơi không sử dụng hóa chất. Vùng sinh trưởng bảo vệ phải được bảo vệ bằng cách trồng hoặc để cây tái sinh tự nhiên giữa những khu vực hoặc hệ thống sản xuất thường xuyên hoặc bán thường xuyên. Phải tuân thủ khoảng cách tách biệt giữa những khu vực sản xuất và khu sinh thái được xác định tại Phụ lục 1.**
- 2.6 Các hệ sinh thái tự nhiên dưới nước phải được bảo vệ khỏi xói mòn và sự rửa trôi của hóa chất nông nghiệp hoặc dòng chảy làm trôi đất bằng cách thiết lập các vùng được bảo vệ dọc theo bờ sông, các dòng suối thường xuyên hoặc tạm thời lạch, hồ, đầm lầy, và xung quanh bờ của những nơi có nguồn nước tự nhiên khác. Khoảng cách giữa loài thực vật thu hoạch và hệ sinh thái dưới nước được giới thiệu tại Phụ lục 1. Nông trại không được thay đổi nguồn nước tự nhiên để tạo ra hệ thống thoát nước mới hoặc kênh đào để tưới. Những kênh nước đã chuyển đổi trước đó phải duy trì hệ thực vật bao phủ, hoặc nếu không có thì phải phục hồi chúng. Nông trại phải sử dụng và mở rộng hệ thực vật che phủ đất ở trên bờ và dưới lòng kênh mương.**
- 2.7 Nông trại phải thiết lập và duy trì những vùng thực vật ngăn cách giữa nơi sản xuất và khu vực hoạt động của con người, cũng như giữa khu vực sản xuất và khu vực công cộng hoặc những con đường có nhiều người qua thường xuyên bằng qua nông trại hoặc đi chung quanh nông trại. Những vùng ngăn cách này bao gồm hệ thực vật tự nhiên lâu dài gồm cây cối hoặc cây bụi hoặc các loại thực vật khác, nhằm phát triển đa dạng sinh học, giảm tối thiểu bất cứ tác động tiêu cực nào và giảm rửa trôi nông hóa, bụi đất và các chất khác gây ra từ nông trại hoặc từ các hoạt động chế biến. Phải tuân theo Khoảng cách giữa cây trồng thu hoạch và khu vực hoạt động của con người được xác định tại Phụ lục 1.**
- 2.8 Nông trại với các vụ thu hoạch nông lâm sản nằm trong khu vực nơi thảm thực vật tự nhiên che phủ có xuất xứ là rừng phải thiết lập và duy trì hệ thống nông lâm thường xuyên được phân bổ trong suốt thời kỳ nông trại. Cấu trúc của hệ thống nông lâm phải thực hiện theo các yêu cầu sau đây:**
- a. Quần thể cây trồng trên khu đất canh tác bao gồm tối thiểu 12 loài tự nhiên tính bình quân trên một hecta.**
 - b. Tán cây bao gồm ít nhất hai địa tầng (two strata) hoặc hai tầng (stories).**
 - c. Mật độ chung của tán cây trên đất canh tác ít nhất 40%**

Các nông trại trong những khu vực mà thảm thực vật tự nhiên không có nguồn gốc xuất từ rừng - chẳng hạn như đồng cỏ, thảo nguyên, cây bụi - thì phải dành riêng ra ít nhất 30% diện tích nông trại để bảo tồn hoặc khôi phục lại hệ sinh thái điển hình của khu vực. Các nông trại này phải thực hiện một kế hoạch bảo tồn hoặc khôi phục lại thảm thực vật tự nhiên trong trong thời gian là 10 năm.

2.9 Nông trại phải thực hiện một kế hoạch duy trì hoặc phục hồi mối liên kết của các hệ sinh thái tự nhiên; trong phạm vi ranh giới, cân nhắc mối liên kết với môi trường sống của động thực vật ở mức độ cảnh quang, cụ thể là thông qua các thành tố chẳng hạn như thân thực vật bản địa bên cạnh đường đi và dọc theo bờ hồ nước hoặc bờ sông, cây che bóng, hàng rào sống và các dải ngăn cách sống.

3. BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Phần Tóm lược của Nguyên tắc (không bắt buộc đối với mục đích kiểm toán): Những nông trại được chứng nhận theo tiêu chuẩn này là nơi nương tựa cho động vật hoang dã di trú, đặc biệt là cho những loài bị đe dọa hoặc có nguy cơ bị tuyệt chủng. Những nông trại được chứng nhận bảo vệ những khu vực tự nhiên có chứa hoặc sản xuất thức ăn cho động vật hoang dã hoặc là môi trường sống để chúng sinh sản và gia tăng nòi giống. Những nông trại này cũng thực hiện những chương trình và hoạt động đặc biệt để tái sinh và khôi phục hệ sinh thái quan trọng cho động vật hoang dã. Tương tự như thế, các nông trại, chủ nhân và người làm phải có những biện pháp để giảm bớt và cuối cùng xóa bỏ số lượng động vật đang nuôi giữ, mặc dù động vật hoang dã được nuôi giữ như vật cưng theo thói quen truyền thống ở một số vùng trên thế giới.

- 3.1 Việc kiểm kê động vật hoang dã và khu vực sinh sống của động vật hoang dã đã tìm thấy trên nông trại phải được thiết lập và duy trì.**
- 3.2 Hệ sinh thái cung cấp nơi cư trú cho động vật hoang dã sinh sống trên nông trại, hoặc nơi chúng đi qua trong quá trình di trú, phải được bảo vệ và khôi phục. Nông trại phải thực hiện những biện pháp đặc biệt để bảo vệ các loại động thực vật có nguy cơ hoặc bị đe dọa tuyệt chủng.**
- 3.3 *Tiêu chí Chủ chốt.* Cấm săn bắt, bắt giữ, khai thác và buôn bán bất hợp pháp động vật hoang dã ở nông trại. Các nhóm văn hóa hoặc dân tộc được phép săn bắt hoặc sưu tập quần thể động vật trong khuôn khổ được kiểm soát và ở khu vực được chỉ định cho mục đích này theo các điều kiện sau đây:**
 - a. Các hoạt động không liên quan đến các loài có nguy cơ hoặc bị đe dọa tuyệt chủng.
 - b. Luật pháp được thiết lập để công nhận quyền của các nhóm này để săn bắt hoặc sưu tập động vật hoang dã.
 - c. Các hoạt động săn bắt và sưu tập không gây tác động tiêu cực đến quá trình phát triển và chức năng quan trọng của hệ sinh thái đối với tính bền vững của nông nghiệp và hệ sinh thái địa phương.
 - d. Khả năng tồn tại dài hạn của mật độ các loài không bị ảnh hưởng.
 - e. Các hoạt động này không phải vì mục đích thương mại.
- 3.4 Nông dân phải duy trì công tác kiểm kê động vật hoang dã được nuôi giữ trên nông trại, và thực hiện các chính sách và thủ tục để điều chỉnh và giảm bớt thời gian lưu giữ. Không được lưu giữ các loài có nguy cơ hoặc bị đe dọa tuyệt chủng.**
- 3.5 Nông trại được phép nuôi dưỡng động vật hoang dã khi nông trại có đủ điều kiện theo yêu cầu và được phép theo quy định của pháp luật. Các hoạt động này giám sát bởi cơ quan có năng lực chuyên môn.**
- 3.6 Các nông trại đưa động thực vật hoang dã vào lại môi trường sống tự nhiên phải có giấy phép riêng của các cơ quan thẩm quyền liên quan và phù hợp với các điều kiện quy định của luật pháp, hoặc là đưa động vật trở lại môi trường tự nhiên thông qua các chương trình được ủy quyền và quy định chính thức. Cơ quan có năng lực chuyên môn tư vấn cho nông trại về thực tiễn phóng thích động vật. Không đưa động vật hoang dã nhập từ nước ngoài vào nông trại.**

4. BẢO TỒN NGUỒN NƯỚC

Phần Tóm lược của Nguyên tắc (không bắt buộc đối với mục đích kiểm toán): Nước cần cho nông nghiệp và sự tồn tại của con người. Các nông trại được chứng nhận phải tiến hành các hoạt động để bảo tồn và tránh làm lãng phí nguồn tài nguyên nước. Các nông trại phải ngăn chặn sự ô nhiễm nguồn nước bề mặt và nước ngầm bằng việc xử lý và giám sát nước thải. Tiêu chuẩn nông nghiệp bền vững bao gồm các biện pháp ngăn chặn sự ô nhiễm nguồn nước bề mặt gây ra do chất thải hóa học hoặc chất lắng cặn. Nếu nông trại không có các biện pháp như thế phải bảo đảm rằng họ không làm thoái hóa nguồn nước thông qua chương trình giám sát và phân tích nguồn nước bề mặt, cho đến khi nông trại thực hiện các hoạt động ngăn chặn theo quy định.

4.1 Nông trại phải có một chương trình bảo tồn nguồn nước đảm bảo sử dụng hợp lý nguồn tài nước. Các hoạt động của chương trình là sử dụng tốt nhất nguồn lực và công nghệ sẵn có. Nên cân nhắc tái tạo và tái sử dụng nước, bảo dưỡng mạng lưới phân phối nước và giảm tối thiểu lượng nước sử dụng. Nông trại cần thực hiện ghi chép và chỉ rõ trên bản đồ các nguồn nước bề mặt và nguồn nước ngầm được tìm thấy trên vùng đất của mình. Nông trại cần ghi chép lượng nước sử dụng hàng năm do các nguồn nước này cung cấp và số lượng nước nông trại đã tiêu thụ.

4.2 Tất cả bề mặt nước hoặc nguồn nước ngầm do nông trại khai thác phục vụ cho mục đích nông nghiệp, cung cấp trong gia đình hoặc mục đích chế biến phải được phép sử dụng và có giấy phép của chính quyền địa phương hoặc cơ quan thẩm quyền về môi trường.

4.3 Các nông trại khi tưới nước phải sử dụng máy tưới để xác định chính xác và chứng minh lượng nước đã sử dụng và thời gian áp dụng tưới không vượt quá hoặc lãng phí nước. Nông trại phải chứng minh rằng số lượng nước tưới và thời gian áp dụng đã căn cứ trên cơ sở thông tin về khí hậu, độ ẩm đất có sẵn, đặc tính và đặc trưng đất. Hệ thống tưới phải được thiết kế và bảo trì tốt nhằm tránh rò rỉ nước.

4.4 Nông trại phải có hệ thống xử lý nước thích hợp cho tất cả các loại nước thải ra. Hệ thống xử lý nước thải phải phù hợp với luật áp dụng quốc gia và địa phương và có giấy phép hoạt động. Phải có các thủ tục vận hành đối với hệ thống nước thải công nghiệp. Tất cả các nhà máy đóng gói phải có hệ thống lọc rác nhằm ngăn chặn chất thải rắn từ hoạt động chế biến ướt và đóng gói vào các kênh mương hoặc ao hồ nước.

4.5 *Tiêu chí Chủ chốt.* Nông trại không được xả nước thải hoặc làm đọng lại nước thải công nghiệp hoặc nước sinh hoạt gia đình vào các ao hồ nước tự nhiên mà không chứng minh được nước được xả ra phù hợp với yêu cầu của luật pháp, và các đặc trưng về lý tính và hóa sinh của nước thải không làm thoái hóa nguồn nước nhận của các ao hồ. Nếu yêu cầu luật pháp không tồn tại, nguồn nước thải phải tuân theo các thông số sau đây:

Thông số Chất lượng Nước	Giá trị
Yêu cầu ô-xy sinh hóa (DBO ₅ , 20)	Ít hơn 50mg/L
Tổng số chất cặn lắng	
pH	Giữa 6.0 – 9.0
Dầu nhờn và dầu	Ít hơn 30mg/L
Trực khuẩn cô li từ phân	Không tồn tại

Cấm trộn lẫn nước thải và nước bị nhiễm bẩn để xả ra môi trường.

4.6 Các nông trại xả nước thải liên tục hoặc định kỳ vào môi trường phải phải thiết lập một chương trình giám sát và phân tích chất lượng nước để cân nhắc tiềm năng gây ô nhiễm và luật pháp áp dụng. Chương trình phải chỉ rõ những điểm lấy mẫu nước thải và tần suất lấy mẫu và phân tích mẫu. Tất cả công tác phân tích mẫu phải do phòng thí nghiệm được luật pháp công nhận tiến hành. Kết quả phân tích phải lưu giữ tại nông trại ít nhất là 03 năm. Chương trình giám sát và phân tích phải làm theo các yêu cầu tối thiểu sau đây:

Thông số Chất lượng Nước	Mức độ Nước thải ra (mét khối/ngày)		
	Ít hơn 50	50-100	Nhiều hơn 100
	Tần suất lấy Mẫu		
Yêu cầu Ô-xy sinh hóa (DBO ₅ , 20)	Hàng năm	Mỗi nửa năm	Mỗi ba tháng
Tổng cặn lắng	Hàng tháng	Hàng tuần	Hàng ngày
pH			
Dầu nhờn và dầu	Hàng năm	Mỗi nửa năm	Mỗi 3 tháng
Khuẩn cô-li có nguồn gốc từ phân			

4.7 Tiêu chí Chủ chốt. Nông trại không được thải ra các ao hồ nước tự nhiên bất cứ chất rắn hữu cơ hoặc chất vô cơ, chẳng hạn như nước thải sinh hoạt hoặc công nghiệp, phế phẩm, vôi gạch xây dựng hoặc rác thải, đất, đá từ các hố đào, gạch đá vụn từ việc dọn đất, hoặc các loại vật liệu khác.

4.8 Nông trại phải hạn chế sử dụng hầm tự hoại để xử lý nước thải sinh hoạt (nước bùn và nước cống rãnh) và nước thải không-công nghiệp để ngăn chặn tác động tiêu cực đến nguồn nước ngầm hoặc mặt nước. Hầm tự hoại và hệ thống thoát nước phải được đặt ở những vùng đất thích hợp cho mục đích này. Việc thiết kế phải đồng nhất với số lượng nước thải nhận được và công suất xử lý, và phải cho phép thanh tra định kỳ. Nước thải từ việc rửa máy móc thiết bị sử dụng cho các hóa chất nông nghiệp phải được thu gom lại và không được trộn lẫn với nước thải sinh hoạt hoặc thải ra môi trường mà không xử lý trước.

4.9 Nếu toàn bộ hoặc một phần phù hợp với yêu cầu của bộ tiêu chuẩn này liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến sự nhiễm bẩn các ao hồ nước tự nhiên không thể chứng minh được, thì nông trại phải tiến hành chương trình đánh giá giám sát và phân tích chất lượng bề mặt nước. Chương trình phải chỉ rõ các điểm lấy mẫu và tần suất, và phải thực hiện liên tục cho đến khi chứng minh được rằng các hoạt động nông trại không tham gia làm giảm chất lượng của các hồ nhận nước. Điều này không ngoại trừ công tác đánh giá giám sát và bản phân

tích nước do luật pháp quy định hoặc do chính quyền địa phương yêu cầu. Tối thiểu, các phân tích sau đây phải thực hiện:

Thông số	Thời gian lấy mẫu
Chất cặn lắng	Trong tháng mưa nhiều nhất của năm.
Tổng số nitrogen	
Hợp chất Phốt pho	
Thuốc trừ sâu đặc thù	Theo sau ngay lập tức ở cuối thời kỳ cách ly sau khi phun thuốc

Có thể yêu cầu tiến hành phân tích bổ sung khi kết quả của các loại hình nhiễm bẩn được xác định trong quá trình kiểm toán.

5. ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC TỐT CHO CÔNG NHÂN

Phần Tóm lược của Nguyên tắc (không bắt buộc đối với mục đích kiểm toán): Tất cả người lao động làm việc trong nông trại được chứng nhận, và các gia đình sống nhờ vào những nông trại này, hưởng lợi từ các quyền và điều kiện được thiết lập bởi Liên Hiệp Quốc về ‘Tuyên bố chung về Quyền con người và Tuyên bố chung về Quyền trẻ em (*Universal Declaration of Human Rights and Children’s Rights Convention*)’, và Tuyên bố chung và Khuyến nghị của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO). Nông trại trả lương và phúc lợi bằng hoặc nhiều hơn mức tối thiểu do luật pháp quy định, và thời gian tuần làm việc và giờ làm việc không được vượt quá mức tối đa theo quy định của luật hoặc các điều kiện đã thiết lập của ILO. Người lao động có thể tự do tổ chức hoặc cộng tác, đặc biệt là có quyền đàm phán các điều kiện lao động. Những nông trại được chứng nhận không được phân biệt đối xử hoặc không được sử dụng lao động ép buộc hoặc lao động trẻ em; ngược lại, những nông trại này sẽ tạo cơ hội việc làm cho người lao động và giáo dục các cộng đồng láng giềng. Nhà ở do nông trại được chứng nhận cung cấp phải trong điều kiện tốt, và có nước có thể uống được, điều kiện vệ sinh, và thu dọn nước thải sinh hoạt. Các gia đình sống trong nông trại chứng nhận có cơ hội sử dụng dịch vụ y tế và trẻ em có cơ hội giáo dục.

5.1 Nông trại phải có chính sách xã hội nhằm công bố cam kết thực hiện theo luật lao động và thỏa thuận quốc tế được chỉ rõ trong tiêu chuẩn này. Chính sách phải tóm tắt các quyền và trách nhiệm về công tác quản lý và công nhân, nhấn mạnh vào các khía cạnh lao động, điều kiện sống, dịch vụ cơ bản, sức khỏe nghề nghiệp và an toàn lao động, cơ hội đào tạo và các mối quan hệ cộng đồng. Chính sách xã hội phải được phê duyệt bởi cấp quản lý cao hơn, được công khai và phổ biến đầy đủ và có sẵn cho lực lượng công nhân lao động.

5.2 Tiêu chí Chủ chốt. Nông trại không được phân biệt đối xử trong công việc của nông trại và các chính sách và thủ tục thuê mướn liên quan chủng tộc, màu da, giới tính, tuổi, tôn giáo, tầng lớp xã hội, xu hướng chính trị, quốc tịch, thành viên nghiệp đoàn, định hướng giới tính, tình trạng công dân hoặc bất kỳ động cơ nào khác được quy định bởi luật pháp, các Công ước ILO 100 và 111, và Tiêu chuẩn này. Nông trại phải trả lương công bằng, đào tạo và cơ hội thăng tiến và phúc lợi đến tất cả công nhân ở cùng một loại hình công việc. Nông trại không được tạo ảnh hưởng về chính trị, tôn giáo, thuyết phục xã hội và văn hóa của người lao động.

5.3 Nông trại phải trực tiếp tuyển dụng lực lượng lao động, trừ khi một nhà thầu có khả năng cung cấp dịch vụ chuyên môn hoặc tạm thời trong khuôn khổ điều kiện như nhau về môi trường, xã hội và và lao động được yêu cầu bởi tiêu chuẩn này. Nông trại không được thiết lập mối quan hệ hoặc hợp đồng với bên thứ ba, thiết lập hoặc tham gia trực tiếp công ty sở hữu người lao động, hoặc sử dụng các cơ chế khác để tránh thuê mướn trực tiếp người lao động và làm nghĩa vụ thường xuyên tập hợp các hợp đồng lao động. Việc tuyển dụng lao động là người nước ngoài phải tuân theo giấy phép lao động ban hành bởi cơ quan có thẩm quyền. Nông trại không được đòi hỏi tiền bạc từ phía người lao động nhằm đền đáp lại cho việc tuyển dụng.

5.4 Nông trại phải có chính sách và thủ tục để đảm bảo hoàn thành thanh toán cho người lao động vào ngày đã thỏa thuận theo hợp đồng lao động. Việc thanh toán phải thực hiện tại nơi làm việc, hoặc bởi một thỏa thuận khác được thống nhất với người lao động. Nông trại phải cung cấp cho người lao động những giải thích chi tiết và thông tin chung về tiền lương được thanh toán và bất kỳ khấu trừ nào, cho phép người lao động yêu cầu khiếu nại trong trường hợp nhận ra sự khác biệt trong thanh toán. Một nông trại với mười công nhân hoặc nhiều hơn làm việc toàn thời gian phải duy trì việc cập nhật chứng từ thanh toán và bản mô tả công việc cho mỗi lao động với các thông tin sau đây do người lao động cung cấp:

- a. Tên của công nhân, số thẻ chứng nhận quốc gia, và vị trí.
- b. Mô tả công việc và mức lương được ấn định.
- c. Mức lương tối thiểu do chính phủ quy định phù hợp theo công việc.
- d. Số giờ làm việc trong tuần được thiết lập theo luật hiện hành cho từng loại hình công việc, và so sánh với số lượng thời gian làm việc phân cho mỗi công nhân.
- e. Yêu cầu công việc, ví dụ như, đào tạo hoặc các kỹ năng đặc biệt
- f. Những ngày thanh toán.
- g. Thanh toán lương gộp (gross) cho những giờ làm việc bình thường.
- h. Thanh toán lương gộp cho những giờ làm thêm ngoài giờ.
- i. Tổng số thanh toán: làm việc bình thường và làm thêm ngoài giờ.
- j. Khấu trừ chính thức hoặc các khấu trừ khác được thống nhất với người lao động.
- k. Thanh toán lương trần (net).

5.5 Tiêu chí Chủ chốt. Người lao động phải nhận được thanh toán chính thức lớn hơn hoặc bằng mức trung bình của vùng hoặc mức lương tối thiểu được thiết lập chính thức, hoặc mức nào lớn hơn, phù hợp với công việc cụ thể của họ. Trong trường hợp tiền lương được thương lượng thông qua công đoàn hoặc hiệp ước khác, công nhân phải được nhận một bản sao của tài liệu này trong suốt quá trình thuê mướn. Đối với sản xuất, bán chào giá, hoặc công việc trả lương theo số lượng sản phẩm làm ra, mức thanh toán được thiết lập phải cho phép công nhân nhận mức lương tối thiểu dựa trên cơ sở tám giờ làm việc ngày trong khuôn khổ điều kiện làm việc trung bình, hoặc các trong trường hợp mà điều kiện này không thể đáp ứng được.

5.6 Số giờ làm việc, thời kỳ nghỉ ngơi trong ngày làm việc, số ngày nghỉ hàng năm, ngày nghỉ lễ, và ngày nghỉ phải tuân theo luật lao động hiện hành và các điều kiện tối thiểu sau đây:

- a. Số lượng giờ tối đa đã làm việc trong tuần không được vượt quá 48 giờ.
- b. Người lao động phải có tối thiểu 24 giờ nghỉ ngơi liên tục (một ngày nghỉ) cho mỗi 6 ngày làm việc liên tiếp.
- c. Tất cả công nhân phải có quyền được trả phép hàng năm tương đương với tối thiểu một ngày làm việc cho mỗi tháng đã làm (12 ngày hoặc 2 tuần

làm việc tính trên một năm) hoặc tương đương đối với người lao động làm việc bán thời gian.

Giới thiệu rõ ràng các quyền và lợi ích này đến người lao động và phải bao gồm trong bất kỳ hợp đồng lao động hoặc thỏa thuận lao động tập thể.

5.7 Tất cả việc làm ngoài giờ phải tự nguyện. Nông trại cần có chính sách và thủ tục liên quan đến yêu cầu và phân công làm việc ngoài giờ tuân theo luật lao động hiện hành. Các chính sách và thủ tục này phải thông báo cho người lao động biết khi họ được thuê mướn. Làm việc ngoài giờ không vượt quá 12 giờ trên một tuần. Thời gian làm việc ngoài giờ phải được thanh toán mức cao hơn mức giờ làm việc bình thường. Khi luật lao động hiện hành cho phép, bộ tiêu chuẩn này cho phép một thời kỳ ngoại lệ trong thời gian tối đa 60 giờ (48 giờ lao động bình thường cộng với 12 giờ làm thêm ngoài giờ) trên một tuần có thể vượt quá trong suốt hoạt động mùa vụ hoặc trong các hoàn cảnh không dự kiến trước, theo các điều kiện sau đây:

- a. Người lao động có ít nhất một ngày nghỉ (24 giờ liên tiếp) cho mỗi 6 ngày làm đã làm việc liên tiếp.
- b. Nông trại phải chứng minh bằng tài liệu số giờ đã làm việc (thường xuyên hoặc làm thêm giờ) mỗi ngày và các hoạt động đã được thực hiện cho mỗi công nhân.
- c. Nông trại phải chứng minh thông qua phân tích so sánh rằng số giờ làm thêm trong suốt thời gian ngoại lệ không dẫn đến kết quả là tỷ lệ tai nạn lao động cao hơn so với các thời kỳ làm việc bình thường.
- d. Thời kỳ ngoại lệ không được vượt quá hai tuần làm việc liên tiếp hoặc sáu tuần làm việc trong thời kỳ hai tháng. Số giờ bình quân được làm trong một tuần không vượt quá 60 giờ khi tính trong thời kỳ làm việc suốt 8 tuần bắt đầu từ ngày đầu tiên của thời kỳ ngoại lệ.
- e. Không cho phép có hai thời kỳ ngoại lệ trong mỗi năm.
- f. Công nhân không được phép làm việc nhiều hơn 12 giờ mỗi ngày.
- g. Trong trường hợp một sự kiện xảy ra ngoài dự kiến khiến người lao động làm việc nhiều giờ hơn tiêu chuẩn cho phép và luật lao động áp dụng, nông trại phải tài liệu hóa sự kiện và những hành động cần thực hiện nhằm tránh tái diễn trong tương lai.
- h. Trong trường hợp sự kiện xảy ra một cách chu kỳ tại thời điểm gần giống nhau mỗi năm, chẳng hạn như mùa thu hoạch hoặc thời kỳ sản xuất cao điểm, nông trại trình bày phân tích chỉ ra rằng chi phí trực tiếp ký hợp đồng thêm nhiều lao động trong thời kỳ này có thể gây ra tác động tiêu cực cho tính bền vững kinh tế của nông trại.

5.8 Tiêu chí Chủ chốt: Cấm thuê mướn trực tiếp hoặc gián tiếp người lao động dưới 15 tuổi. Ở các quốc gia nơi Công ước ILO đã được thông qua, nông trại phải tôn trọng Công ước 138, Khuyến nghị 146 (tuổi tối thiểu). Các nông trại ký hợp đồng người vị thành niên giữa tuổi 15 và 17 phải ghi chép các thông tin sau đây cho mỗi lao động vị thành niên:

- a. Họ và tên.
- b. Ngày sinh (ngày, tháng và năm).
- c. Họ và tên của cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp.
- d. Nơi xuất xứ và nơi cư trú thường xuyên.
- e. Loại công việc thực hiện trên nông trại.
- f. Số giờ làm việc phân bổ và số giờ đã làm.
- g. Tiền lương được nhận.
- h. Thư ủy quyền làm việc được ký bởi cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp.

Người lao động ở giữa tuổi 15 và 17 không được làm việc quá tám giờ một ngày hoặc nhiều hơn 42 giờ mỗi tuần. Kế hoạch làm việc của họ không được ảnh hưởng đến cơ hội học tập. Những lao động này không được phân công làm việc cho những hoạt động rủi ro đến sức khỏe, chẳng hạn như xử lý bảo quản và sử dụng hóa chất nông nghiệp hoặc những hoạt động yêu cầu nhiều sức lực.

5.9 Khi luật áp dụng cho phép, lao động nhỏ tuổi từ 12 đến 14 tuổi có thể làm việc bán thời gian trên nông trại gia đình, chỉ khi nếu chúng là thành viên gia đình hoặc người hàng xóm trong cộng đồng nơi mà lao động vị thành niên đã có truyền thống giúp đỡ các công việc nông nghiệp. Kế hoạch dành cho người lao động vị thành niên này bao gồm thời gian đến trường, đi lại và làm việc phải không được vượt quá mười tiếng đồng hồ trong những ngày đến trường và tám tiếng đồng hồ trong những ngày không đến trường, và không được ảnh hưởng đến cơ hội học tập. Các điều kiện sau đây phải hoàn thành:

- a. Các lao động này có quyền nghỉ ngơi một ngày cho mỗi sáu ngày đã làm việc và nghỉ giải lao trong ngày làm việc tương tự như hoặc thường xuyên hơn những công nhân ký hợp đồng lao động.
- b. Lao động vị thành niên không tạo thành một phần lực lượng lao động đã ký hợp đồng của nông trại.
- c. Không được làm việc vào ban đêm.
- d. Họ không được tham gia bảo quản hoặc sử dụng hóa chất nông nghiệp hoặc có mặt tại các khu vực nơi đang sử dụng hóa chất nông nghiệp.
- e. Họ không được mang vác nặng cũng như không được làm việc trong điều kiện yêu cầu sử dụng sức lực không phù hợp với tuổi của họ.
- f. Họ không được làm việc ở các dốc đứng (độ nghiêng lớn hơn 50%) hoặc những nơi cao (thang, cây, mái nhà, tháp hoặc những nơi tương tự như thế).
- g. Họ không được phép vận hành hoặc làm việc gần hệ thống máy móc lớn.
- h. Họ không được làm bất kỳ loại công việc nào ảnh hưởng đến sức khỏe hoặc an toàn.
- i. Họ được đào tạo định kỳ theo công việc mà họ làm.
- j. Họ cần giám sát bởi người trưởng thành có trách nhiệm nhằm đảm bảo họ hiểu được cách thức làm việc một cách an toàn.
- k. Phải cung cấp giao thông đi lại từ nơi đi và đến nhà nếu như người lao động phải đi lại trong đêm hoặc trong điều kiện làm cho sự an toàn cá nhân bị rủi ro

5.10 Tiêu chí Chủ chốt. Bất kỳ loại hình cưỡng bức lao động nào đều bị cấm, kể cả làm việc dưới chế độ giam cầm, theo thỏa thuận với Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) Công ước 29 và 105 và luật lao động quốc gia. Nông trại không được rút ra bất cứ một phần hoặc toàn bộ tiền lương của người lao động, phúc lợi hoặc bất cứ quyền được hưởng hoặc được quy định bởi luật, hoặc bất cứ chứng từ tài liệu của người lao động, để bắt buộc họ phải làm việc hoặc ở lại nông trại, hoặc là một hành động kỷ luật. Nông trại không được dùng hành động tổng tiền, công nợ, đe dọa hoặc lạm dụng và quấy rối tình dục, hoặc bất kỳ biện pháp khác về thể xác hoặc tâm lý để ép buộc người lao động làm việc hoặc ở lại nông trại như là một biện pháp kỷ luật.

5.11 Nông trại và người giám sát không được đe dọa, lạm dụng hoặc quấy rối tình dục, hoặc ngược đãi bằng lời nói, thể xác hoặc tâm lý của người lao động vì bất kỳ lý do nào. Nông trại phải động viên cổ vũ sự đối xử tôn trọng của công nhân và có cơ chế chính thức để hành động khi công nhân bị đối xử ngược đãi.

5.12 Các công nhân có quyền tự do tổ chức và đàm phán một cách tự nguyện điều kiện làm việc của họ trong thể thức tập thể được thiết lập trong ILO Công ước số 87 và 98. Nông trại xây dựng và niêm yết công khai chính sách bảo đảm quyền lợi này và không được ngăn cản người lao động thành lập hoặc tham gia liên đoàn, đàm phán tập thể hoặc tổ chức giai cấp, tôn giáo, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa hoặc bất kỳ lý do nào khác. Nông trại phải cung cấp cơ hội định kỳ cho công nhân thực hiện ra quyết định liên quan đến quyền của họ hoặc định hướng lựa chọn để thành lập bất cứ loại hình tổ chức nào cho việc đàm phán về điều kiện làm việc của họ.

5.13 Nông trại phải thông báo chính thức và thường xuyên cho công nhân mùa vụ và tổ chức đại diện của công nhân bất kỳ kế hoạch thay đổi trong hoạt động nông trại hoặc cơ cấu tổ chức với tác động tiềm năng đáng kể về ảnh hưởng xã hội, môi trường và kinh tế:

a. Các công nhân sẽ thay bằng sử dụng máy móc hoặc vì bất kỳ lý do nào khác do thay đổi đáng kể trong quản lý nông trại hoặc cơ cấu tổ chức phải ưu tiên dành cơ hội được ký hợp đồng cho các công nhân khác trên nông trại và phải đào tạo những người này về công việc mới.

b. Trong một số trường hợp đã xác định mất việc và thiếu cơ hội làm việc, nông trại phải bồi thường kinh tế cho công nhân phù hợp với luật pháp địa phương. Trong trường hợp không có luật quốc gia, hợp đồng lao động cho lao động thường xuyên hoặc công nhân lao động phải bao gồm điều khoản thôi việc.

5.14 Nhà ở do nông trại cung cấp cho người lao động làm việc thường xuyên hoặc tạm thời hoặc lâu dài sống ở đó phải được thiết kế tốt, được xây dựng và bảo trì trong điều kiện vệ sinh, sức khỏe và an toàn. Khu vực nhà ở phải tách biệt với khu vực sản xuất. Nông trại phải mở rộng định hướng lựa chọn

để tái định cư nhà ở hoặc lán trại mà hiện nay đang trong khu vực sản xuất. Người lao động và gia đình của họ sống trên nông trại phải được tham gia vào các khu giải trí phù hợp với thành phần cư trú. Công tác thiết kế, quy mô và xây dựng nhà tập thể, doanh trại và các loại nhà khác, chúng loại và số lượng đồ đạc nội thất, số lượng và vị trí của khu vệ sinh, phòng tắm, khu vực rửa nấu ăn phải tuân thủ theo quy định của luật pháp. Trong trường hợp luật không quy định thì áp dụng các yếu tố và đặc trưng sau đây:

- a. Nhà tập thể phải được xây dựng với sàn gỗ phía trên nền đất hoặc nền nhà làm bằng nhựa đường hoặc xi măng, mái nhà phải ở trong tình trạng tốt không bị rò rỉ, và với hệ thống thông gió và chiếu sáng thích hợp.
 - b. Trần nhà không được thấp hơn 2.5 mét ở bất kỳ mọi điểm trong nhà.
 - c. Năm mét vuông không gian cho mỗi người trong khu vực dành để ngủ. hệ thống sưởi ấm trong thời tiết lạnh.
 - d. Hệ thống sưởi ấm trong thời tiết lạnh.
 - e. Giường, võng hoặc cơ sở hạ tầng có giá trị khác dùng để ngủ tùy theo nhu cầu văn hóa của người lao động, phải có ít nhất 20cm cao hơn mặt đất. Không gian cách giữa giường tầng lớn hơn hoặc bằng 120 cm và 90cm giữa mỗi giường.
 - f. Đồ đạc nội thất ở mức cơ bản để cất giữ đồ dùng cá nhân.
 - g. Các thiết bị vệ sinh phải tuân theo những đặc trưng sau đây: một toilet cho mỗi 15 người; một bồn tiểu cho mỗi 25 lao động nam giới; cung cấp đầy đủ giấy vệ sinh; khoảng cách tối thiểu là 30 mét khu nhà tập thể, khu vực ăn và nhà bếp; một chậu rửa cho mỗi 6 người, hoặc cho một gia đình.
 - h. Một buồng tắm vòi sen cho mỗi 10 người, tách biệt giới tính.
 - i. Một khu giặt ủi quần áo rộng cho mỗi 30 người.
 - j. Trong trường hợp không có dịch vụ nấu ăn (nhà bếp và nhà ăn lớn do nông trại cung cấp), phải lắp đặt một hệ thống bên ngoài khu vực ở để chuẩn bị và ăn và rửa dụng cụ nấu ăn. Phải có ít nhất một hệ thống nấu ăn cho mỗi 10 người hoặc cho mỗi hai gia đình.
- 5.15** Tất cả người lao động của nông trại và những người sống trên nông trại phải có quyền sử dụng nước có thể uống được. Nước uống phải cung cấp đầy đủ cho tất cả người lao động và phải có sẵn tại nơi làm việc. Nông trại phải chứng minh rằng nước uống cung cấp tuân theo các thông số lý tính và hóa tính và các đặc trưng khác được thiết lập theo luật áp dụng hoặc trong trường hợp không có luật, các tiêu chí thông số sau đây được xác định bởi Tổ chức Y tế Thế giới.

Thông số	Giá trị
Khuẩn Cột từ phân	Zero
Thặng dư Chlorine hoặc thặng dư tẩy uế khác	0.2 đến 0.5
Nitrates	10mg/L as nitrates
pH	6.6 đến 8.5
Sodium	20mg/L
Sulphates	250mg/L
Cặn đục	ít hơn hoặc bằng 5 NTU

Các nông trại tư hữu gia đình (Non-family farms) nhận nguồn nước từ nguồn nước riêng không cung cấp bởi hệ thống dẫn nước do các đơn vị khác quản lý - phải có chương trình đánh giá giám sát và phân tích nước dùng để uống định kỳ bao gồm:

- a. Xác định các nguồn nước trên bản đồ và trên nông trại.
- b. Thủ tục và quy trình nhằm đảm bảo công tác bảo quản các nguồn nước.
- c. Các quy trình lấy mẫu và vị trí lấy mẫu và tần suất.
- d. Các phân tích được thực hiện bởi phòng thí nghiệm được công nhận chính thức (được chứng nhận hoặc được ủy quyền).
- e. Báo cáo các kết quả của 3 năm gần nhất hoặc kể từ khi tiến trình chứng nhận được bắt đầu.

Có thể yêu cầu phân tích bổ sung để đảm bảo chất lượng khi có một bằng chứng nhiễm bẩn trực tiếp hoặc gián tiếp (chẳng hạn như sự ăn mòn) bề mặt nước hoặc nước ngầm tồn tại.

- 5.16 Người lao động và gia đình của họ được sử dụng dịch vụ y tế trong thời gian giờ làm việc và trong trường hợp cấp cứu. Khi luật pháp yêu cầu, nông trại phải ký hợp đồng dịch vụ với một bác sĩ hoặc một y tá với thiết bị cần thiết để cung cấp dịch vụ.
- 5.17 Nông trại phải có cơ chế đảm bảo quyền giáo dục cho các trẻ em ở độ tuổi đến trường đang sống ở nông trại. Trường học được thành lập và quản lý bởi những nông trại chứng nhận phải có những nguồn lực cần thiết, nhân sự và cơ sở hạ tầng để có khả năng cung cấp kinh nghiệm đào tạo phù hợp theo yêu cầu hợp pháp của quốc gia.
- 5.18 Nông trại phải thực hiện một chương trình giáo dục dành cho người quản lý và điều hành hoạt động nông trại (những người lao động cho nông trại) và gia đình của họ bao gồm ba chủ đề: các mục tiêu chung và yêu cầu chung về việc cấp chứng nhận của *Rainforest Alliance Certified™*, các chủ đề về môi trường và sự bảo tồn liên quan đến bộ tiêu chuẩn này; các khái niệm về sức khỏe cơ bản và vệ sinh. Chương trình phải được thiết kế phù hợp theo văn hóa, ngôn ngữ và trình độ học vấn của những người liên quan.
- 5.19 Ở những vùng và quốc gia nơi các gia đình thu hoạch vụ mùa theo truyền thống và nơi luật pháp quốc gia cho phép, người lao động vị thành niên có thể tham gia vào công tác thu hoạch trong khuôn khổ các điều kiện sau đây:
 - a. Nông trại phải xác định và giám sát các điều kiện làm việc thu hoạch có tác động đến sức khỏe, thể chất và tinh thần liên quan đến tình trạng khỏe mạnh của người lao động vị thành niên, và phải có những biện pháp đặc biệt để loại trừ hoặc giảm nhẹ những tác động đó.
 - b. Các hoạt động thu hoạch không được cản trở nghĩa vụ học tập của lao động vị thành niên
 - c. Lao động vị thành niên không được mang vác vật lớn hoặc trọng lượng nặng (không hơn 20% trọng lượng cơ thể người lao động vị thành niên).
 - d. Người lao động vị thành niên không được làm việc trên các dốc lớn (không hơn 50%), gần các vách đá đứng hoặc thẳng đứng, hoặc trên bề mặt cao.
 - e. Người lao động vị thành niên phải luôn luôn được cha mẹ đi kèm, người giám hộ hợp pháp, hoặc một người trưởng thành được ủy quyền bởi cha mẹ

- hoặc người giám hộ. Người lao động vị thành niên không được đi bộ một mình qua nông trại.
- f. Người lao động vị thành niên phải được trả công bằng tiền mặt.**
 - g. Nông trại phải có biện pháp làm giảm sự tham gia của lao động vị thành niên trong các hoạt động nông nghiệp. Các biện pháp này phải bao gồm hệ thống lắp đặt và bảo trì trường học, nhà trẻ hoặc nơi chăm sóc ban ngày, hoặc trả cho bố mẹ hoặc người trưởng thành khác để chăm sóc trẻ nhỏ thay vì làm công tác thu hoạch.**
 - h. Chủ nông trại phải đảm bảo rằng mọi người tham gia vào hoạt động thu hoạch biết được các điều kiện công bố trong tiêu chí này và phải có biện pháp cần thiết để cam kết thực hiện theo.**

6. SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

Phần Tóm lược của Nguyên tắc (không bắt buộc đối với mục đích kiểm toán): Tất cả các nông trại được chứng nhận phải có một chương trình cho sức khỏe nghề nghiệp và an toàn lao động để giảm bớt hoặc ngăn chặn rủi ro tai nạn ở hiện trường. Tất cả người lao động phải được đào tạo về cách thức làm việc an toàn, đặc biệt liên quan đến việc sử dụng hóa chất nông nghiệp. Các nông trại được chứng nhận phải cung cấp các thiết bị cần thiết để bảo vệ công nhân và bảo đảm rằng các công cụ, cơ sở hạ tầng, máy móc và tất cả thiết bị được sử dụng trên nông trại phải trong điều kiện hoạt động tốt và không gây nguy hiểm đến sức khỏe hoặc môi trường. Nông trại phải thực hiện các biện pháp nhằm tránh ảnh hưởng của các hóa chất nông nghiệp đến người lao động, láng giềng và người đến thăm/ làm việc ở nông trại. Nông trại phải xác định những tình trạng khẩn cấp tiềm tàng và chuẩn bị kế hoạch và thiết bị để đáp ứng lại bất kỳ sự cố hoặc tình huống, cũng như giảm tối thiểu tác động đối với người lao động và môi trường.

6.1 Nông trại phải có một chương trình cho sức khỏe nghề nghiệp và an toàn lao động với mục tiêu chủ yếu được xác định và tối thiểu hóa hoặc loại bỏ những rủi ro nghề nghiệp của người lao động. Chương trình phải có các chính sách, thủ tục, nhân sự và nguồn lực cần thiết để đạt được mục tiêu chương trình. Chương trình cũng phải tuân thủ theo luật áp dụng của quốc gia và với bộ tiêu chuẩn này và người lao động phải biết được và hiểu được. Người lao động được tham gia vào công tác đánh giá chính sách, thủ tục và các hoạt động đã chỉ định trong chương trình nhằm đảm bảo tính phù hợp. Phải thành lập một ủy ban sức khỏe nghề nghiệp trên nông trại bao gồm từ mười công nhân hoặc nhiều hơn làm việc thường xuyên trong hoạt động sản xuất và chế biến. Yêu cầu phải có thủ tục văn bản khi chọn lựa thành viên ủy ban, và tài liệu ghi chép phải lưu giữ cho các cuộc họp và hành động đã thực hiện.

6.2 Nông trại phải có chương trình tập huấn thường xuyên và liên tục để giáo dục người lao động cách thức thực hiện công việc của họ một cách chính xác và an toàn, đặc biệt liên quan đến việc điều khiển máy móc và các thiết bị nông nghiệp. Công nhân phải quen với yêu cầu đào tạo theo công việc của họ và được đào tạo trước khi bắt đầu làm việc trên nông trại. Đối với nông trại với 10 công nhân hoặc nhiều hơn làm công tác sản xuất và chế biến, nông trại phải giữ các ghi chép sổ sách mỗi đợt đào tạo, bao gồm mục tiêu, chủ đề đã thực hiện, yêu cầu đối với công nhân tham gia, tài liệu đào tạo đã sử dụng, tần suất và thời gian tập huấn, và danh sách của người đã tham gia.

6.3 Tất cả người lao động sử dụng, bảo quản, vận chuyển hoặc tiếp xúc hóa chất nông nghiệp hoặc các loại hóa chất khác phải được đào tạo ít nhất về các chủ đề sau đây:

- a. Tổng quan về sức khỏe nghề nghiệp.**
- b. Công thức, tên và hoạt tính của bộ xít hoặc chất độc (toxicity) trong trường hợp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, diệt trừ cỏ hoặc hóa chất đã sử dụng.**

- c. Giải thích về các loại nhãn hiệu của thuốc trừ sâu và Bảng Thông tin về An toàn Vật liệu (Material Safety Data Sheet -MSDS) đối với hóa chất được sử dụng.
- d. Sử dụng đúng thiết bị và quần áo bảo vệ cá nhân.
- e. Các biện pháp phòng trừ và biện pháp giảm nguy hiểm đến sức khỏe và môi trường gây ra bởi hóa chất: thiết bị, kỹ thuật, biển báo, xét nghiệm y tế, v.v.
- f. Các thủ tục cấp cứu, sơ cứu, sự quan tâm chăm sóc y tế cho những trường hợp liên quan đến nhiễm độc hoặc do tiếp xúc với hóa chất nông nghiệp.
- g. Các kỹ thuật khi bảo quản tiếp xúc hóa chất và những ứng dụng đúng khi sử dụng hóa chất.
- h. Chăm sóc bảo quản hoặc vận chuyển hóa chất nông nghiệp đối với lái xe. Chỉ những người chứng minh được kiến thức và kinh nghiệm về chủ đề này mới được tiến hành tập huấn. Những nông trại với mười hoặc nhiều hơn mười công nhân làm việc thường xuyên trong khâu sản xuất hoặc chế biến phải lập tài liệu cho mỗi khóa đào tạo với mục tiêu, chủ đề, công nhân và vị trí phải tham gia đào tạo, tài liệu đào tạo đã sử dụng, tần suất và thời gian, và danh sách của các học viên tham dự.

6.4 Những người lao động thực hiện các hoạt động được xác định là nguy hiểm hoặc rủi ro đến chương trình an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, hoặc là những người yêu cầu kỹ năng đặc biệt chẳng hạn như tiếp xúc hoặc sử dụng hóa chất nông nghiệp, mang vác nặng hoặc sử dụng động cơ hoặc máy móc nông nghiệp, phải được kiểm tra sức khỏe ít nhất hàng năm nhằm đảm bảo năng lực thể chất và tinh thần để làm công việc này. Người lao động phải được biết kết quả kiểm tra sức khỏe của họ. Những người hoặc giải thích hoặc quan sát có vấn đề về sức khỏe hoặc tâm thần, phải được quan tâm đúng lúc và, như đã chỉ rõ, điều trị y tế riêng biệt đưa ra giải thích rằng họ không phù hợp với công việc cụ thể đang làm và anh ta/cô ta cần được phân công lại. Công tác quản lý nông trại phải thực hiện các hành động nhằm tránh gây rối loạn chức năng cơ thể công nhân. Bù nước đầy đủ/tái tạo Hydrate đầy đủ phải được cung cấp mọi thời điểm.

6.5 Những người sử dụng hoặc tiếp xúc với hóa chất nông nghiệp được kiểm tra cần thiết để xác định ảnh hưởng tiềm tàng của hóa chất nông nghiệp mà họ tiếp xúc trước khi thực hiện các hoạt động như thể trên nông trại. Những công nhân này không có bị các bệnh tật kinh niên, truyền nhiễm, viêm gan, bệnh thận, hoặc bệnh về đường hô hấp cũng không có biểu hiện bệnh thần kinh (thiếu năng trí tuệ). Chỉ có nam giới giữa độ tuổi từ 18 đến 60 được phép sử dụng hóa chất. Trên những nông trại nơi các chất photpho hữu cơ và hóa học carbamate được áp dụng, những kiểm tra về chất cholinesterase phải tiến hành mỗi sáu tháng hoặc như được quy định bởi luật, hoặc kiểm tra thường xuyên hơn. Các kết quả kiểm tra xét nghiệm phải tài liệu hóa theo thể thức sao cho thông tin được theo dõi dễ dàng và dễ tìm thấy: tên của công nhân đã xét nghiệm, ngày xét nghiệm và kết quả, và bất kỳ khuyến nghị nào liên quan đến khả năng sử dụng hóa chất của người lao động. Người lao động có quyền biết kết quả kiểm tra xét nghiệm và họ được phân công làm

việc khác nếu như các khuyến nghị chỉ ra rằng họ không thích hợp để sử dụng những sản phẩm này.

6.6 Nông trại phải chứng minh người lao động trong tất cả khu vực làm việc với các dịch vụ cơ bản, các nguồn lực và điều kiện làm việc cần thiết phù hợp theo mục tiêu của chương trình sức khỏe nghề nghiệp và an toàn lao động và phù hợp với yêu cầu của luật áp dụng về an toàn, sức khỏe, và tình trạng sạch sẽ và phù hợp với bộ tiêu chuẩn này. Nông trại phải cung cấp cơ sở thiết bị vệ sinh phục vụ cho con người trong tất cả các hiện trường mà có sự hiện diện của công nhân không thuộc trong khu vực cơ sở hạ tầng quản lý hành chính. Nông trại phải tư vấn cho công nhân về dịch vụ được cung cấp, nguồn lực và điều kiện làm việc, và chứng minh rằng họ sẽ thực hiện các kết quả tư vấn. Nông trại phải cung cấp cho công nhân thiết bị bảo vệ cần thiết và yêu cầu sử dụng chúng, cho toàn bộ máy móc, công cụ và cân nhắc khác khi thực hiện mà được xem là nguy hiểm.

6.7 Nông trại phải duy trì tiêu chuẩn an toàn một cách nghiêm ngặt trong các phân xưởng và khu vực nhà kho để giảm thiểu khả năng gây tai nạn. Nông trại phải có cơ chế để quản lý và kiểm soát đánh giá các khu vực này và công nhân phải có kiến thức về lĩnh vực này. Nông trại phải phân công và đào tạo nhận sự chịu trách nhiệm điều hành quản lý phân bổ các vật liệu và kiểm tra phương tiện/đường vào khu vực kho. Các vật liệu phải cất giữ tách biệt với chất hóa học. Thiết bị bảo vệ cá nhân không cất giữ chung với hóa chất. Duy trì bản kiểm kê danh mục vật liệu hiện tại và chỉ lưu giữ số lượng vật liệu cần thiết để đảm bảo tính liên tục công việc trên nông trại.

6.8 Phân xưởng và kho chứa tất cả các loại hóa chất nông nghiệp hoặc chất dễ cháy được thiết kế, xây dựng và trang bị để giảm rủi ro tai nạn và giảm tác động tiêu cực đến sức khỏe con người và môi trường. Tất cả khu vực này sử dụng dành riêng cho các mục đích chỉ định và được ký phía trong nhằm chỉ rõ ra loại chất được lưu trữ, tính nguy hiểm do chúng gây ra, và các biện pháp phòng ngừa cần phải thực hiện trong khu vực. Việc thiết kế, xây dựng và trang bị các cơ sở thiết bị này phải phù hợp với luật áp dụng hoặc các thông số sau, mà bất cứ lúc nào cũng phải tuyệt đối nghiêm ngặt hơn:

- a. Trên sàn của khu vực hành lang và kho lưu trữ phải đánh dấu rõ ràng. Phải có các khoảng trống tự do ít nhất 30cm giữa tường và vật liệu lưu trữ.
- b. Cơ sở kho phải có giá kệ và bục kê lưu trữ các thiết bị làm bằng vật liệu không thấm nước có chứa sản phẩm chất lỏng.
- c. Phải đủ ánh sáng tự nhiên để có thể nhìn được trong những ngày không có điện.
- d. Phải có đủ thông gió tự nhiên để ngăn ngừa tình trạng tích lũy mùi hôi và hơi ẩm.
- e. Lối thoát khẩn cấp đánh dấu rõ ràng và không có chướng ngại vật.
- f. Trong khu vực đóng hộp và đóng thùng, mức độ tiếng ồn liên tục không được vượt quá 85 decibels.

- g. Trong khu vực đóng hộp và đóng thùng có ít nhất 2 mét khoảng không gian tự do cho mỗi công nhân làm việc.
- h. Nông trại phải có kho vật liệu đóng gói (hộp/thùng giấy bìa cứng, bao nhựa dẻo và vật liệu khác và khu dây chuyền đóng gói xây dựng bằng các vật liệu không thấm nước và chống cháy.

6.9 Những khu vực sử dụng để lưu trữ và phân phối hóa chất nông nghiệp, chất dễ cháy và chất độc, phải thiết kế, xây dựng và trang bị làm giảm được rủi ro tai nạn và những tác động tiêu cực đến sức khỏe con người và môi trường. Những khu vực này chỉ dành riêng cho mục đích này; nhiên liệu và các chất dễ cháy khác không được cất giữ chung với các hóa chất nông nghiệp. Tất cả những khu vực này phải có biển báo rõ ràng tại một khoảng cách xa 20 mét để chỉ rõ ra các loại hóa chất được lưu trữ, sự nguy hiểm gây ra và các biện pháp đề phòng phải thực hiện trong khu vực này. Nông trại phải bảo đảm rằng tất cả các điều kiện tuân thủ theo luật pháp áp dụng hoặc với các thông số sau đây, bất cứ quy định nào nghiêm ngặt hơn:

- a. Nền và tường nhà kho là mặt phẳng và không thấm nước.
- b. Trong cơ sở kho chứa hóa chất, nền nhà phải có độ dốc 1% và có vật chặn ở các lối ra vào khác nhau để ngăn ngừa chất lỏng tràn thoát ra bên ngoài kho.
- c. Các bồn nhiên liệu và thùng chứa chất dễ cháy phải được giữ ở những khu vực được khoanh lại với điều kiện thông gió tốt, tường chắn và nền nhà phẳng và chống thấm nước để ngăn giữ bất cứ trường hợp nào hóa chất bị tràn đổ. Chiều cao của tường phải được tính toán để giữ được 1.2 lần dung tích các bồn chứa được lưu trữ.
- d. Khu vực khoanh giữ bồn chứa nhiên liệu phải có hệ thống thu dọn hóa chất bị đổ và nước được tích lũy từ mưa hay nước rửa. Tất cả các cống rãnh trong khu vực kho được kết nối với hệ thống thu gom và khử tác dụng hóa học và có một hộp kiểm tra.
- e. Loại bỏ các bồn chứa nhiên liệu dưới mặt đất.
- f. Khu vực kho phải có khu chứa hàng với hệ thống thu dọn chất lỏng tràn đổ.
- g. Khu vực chứa nhiên liệu phải đủ công suất để chứa số lượng nhiên liệu tối đa cần thiết cho các hoạt động bình thường trên nông trại. Các cơ sở kho chứa phải có một khu vực trống để chứa những bồn rỗng.
- h. Chiều cao tối thiểu của kho hóa chất nông nghiệp là 3m tính từ nền nhà đến mái hoặc trần nhà.
- i. Phải có đủ ánh sáng tự nhiên và mở ra để thông gió thường xuyên - cửa sổ, quạt thông gió phải mở ra thường xuyên để cho không khí lưu thông tự do - có tối thiểu 20% của tổng số diện tích nền.
- j. Khu vực hành lang và kho chứa trên nền nhà của kho phải được đánh dấu rõ ràng. Phải có khoảng không gian tự do ít nhất 30 cm giữa tường và vật liệu lưu giữ.
- k. Các bậc kệ hoặc kệ trong kho phải dán nhãn rõ ràng, được làm từ vật liệu không thấm nước và cô lập sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với nền kho.

- l. Không được có bất cứ văn phòng nào được đặt trong phạm vi khu vực kho lưu trữ hóa chất, ngoại trừ khi các hóa chất được cách ly hoàn toàn với khu vực văn phòng và tình trạng thông gió tốt được duy trì.
 - m. Nông trại phải có khu vực chỉ định để mở bao bì xử lý thuốc sâu (dành cho bảo vệ trái cây) để ngăn chặn không cho những vật liệu này thoát ra ngoài và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình thu gom rác thải nhựa dẻo.
 - n. Nước tràn, nước rửa máy bay và hệ thống thu gom tại sân bay được sử dụng cho các dịch vụ hun trùng.
- 6.10** Nông trại phải bảo quản các loại hóa chất nông nghiệp theo thể thức làm giảm tác động tiêu cực đến sức khỏe con người và môi trường. Nông trại chỉ nên lưu trữ một số lượng hóa chất nông nghiệp cần thiết để đáp ứng cho nhu cầu ngắn hạn. Những hóa chất này được tách biệt theo công thức bioxiy, độ độc và công thức thức hoá học. Những chất này không được cất trữ trên nền nhà cũng không cho tiếp xúc với các vật liệu thấm nước. Bảng Thông tin về An toàn Vật liệu (Material Safety Data Sheet) phải được giữ tại kho dành cho mỗi loại hóa chất lưu trữ. Tất cả các vật chứa hóa chất nông nghiệp phải rửa 3 lần trước khi được lưu kho để vứt bỏ hoặc trả lại cho nhà cung cấp. Tất cả vật chứa hóa chất nông nghiệp phải duy trì nhãn xuất xứ của chúng. Nông trại phải trả lại nhà cung cấp các hóa chất nông nghiệp bị cấm sử dụng, hết hạn, hoặc không được đăng ký hợp pháp, hoặc những hóa chất mà giấy phép đã bị hủy bỏ. Nếu nhà cung cấp từ chối thì nông trại phải tìm biện pháp theo hướng an toàn để loại bỏ chúng.
- 6.11** Nông trại phải chứng minh rằng vị trí khu vực kho chứa hóa chất nông nghiệp và nhiên liệu tuân theo luật pháp áp dụng. Nếu luật pháp áp dụng không tồn tại và nếu thiết kế, xây dựng và quản lý các cơ sở nhà kho không tuân thủ với một số hoặc tất cả yêu cầu được chỉ ra trong các tiêu chí 6.7 và 6.10, thì những khoảng ngăn cách sau đây phải được duy trì:
- a. Sáu mươi (60) mét từ những tòa nhà được mọi người sử dụng cho sinh hoạt cơ bản hàng ngày (nhà ở, trung tâm y tế, trường học, khu giải trí, văn phòng v.v.).
 - b. Một trăm (100) mét từ các con đường công cộng
 - c. Một trăm (100) mét và hai mươi mét từ các con sông, dòng suối và hồ.
 - d. Hai trăm mét (200) từ các giếng nước hoặc con suối sử dụng cho con người.
 - e. Đối với cơ sở kho hóa chất nông nghiệp, có ít nhất 50 mét từ các bồn chứa nhiên liệu.
- 6.12** Nông trại phải thường xuyên thực hiện các biện pháp làm giảm những rủi ro tai nạn hoặc tràn đổ hóa chất nông nghiệp trong suốt quá trình vận chuyển đến và trong phạm vi nông trại. Các phương tiện được sử dụng cho việc vận chuyển hóa chất phải ở trong tình trạng sửa chữa tốt, được đăng ký hợp pháp và có chính sách bảo hiểm được chỉ định rõ cho các dịch vụ này. Những người chịu trách nhiệm vận chuyển hóa chất phải chứng minh rằng họ hiểu biết cách thức vận chuyển và bảo quản an toàn các hóa chất. Tất cả các hóa chất nông nghiệp được vận chuyển đến nông trại trong bình chứa

(chai, lọ bình, thùng chứa/bình chứa) theo xuất xứ của nó và kèm theo một bản sao Tài liệu Hướng dẫn Sử dụng Hóa chất An toàn. Nông trại chỉ vận chuyển đến các khu vực sản xuất số lượng hóa chất nông nghiệp cần thiết cho một ngày làm việc. Các hóa chất phải vận chuyển trong các containers bằng nhựa dẻo được dán nhãn một cách phù hợp để sau đó trả lại cho kho lưu trữ sau khi sử dụng. Dụng cụ phun thuốc cơ động sử dụng cho hóa chất nông nghiệp phải vận chuyển đến khu vực sử dụng trong tình trạng rỗng.

- 6.13 *Tiêu chí Chủ chốt.*** Tất cả công nhân tiếp xúc với hóa chất nông nghiệp, bao gồm những người dọn vệ sinh hoặc giặt quần áo hoặc thiết bị nhiễm hóa chất, phải sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân. Nông trại phải cung cấp các thiết bị này trong điều kiện tốt và động viên người lao động sử dụng các thiết bị bảo vệ. Các thiết bị phải giảm tiếp xúc với hóa chất và khả năng nhiễm độc cấp tính hoặc mãn tính, và tuân theo một cách nghiêm ngặt nhất những yêu cầu sau đây: a) những yêu cầu đã chỉ ra trong Tài liệu Hướng dẫn Sử dụng Hóa chất An toàn của Sản phẩm, b) bất kỳ luật áp dụng; hoặc c) thiết bị đã chỉ ra trong Phụ lục 2 của Tiêu chuẩn này.
- 6.14** Nông trại phải có các biện pháp an toàn cần thiết để bảo vệ các công nhân sử dụng hóa chất nông nghiệp trên hiện trường. Người giám sát phải kiểm tra, ít nhất mỗi 3 giờ, tất cả các công nhân phải áp dụng theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) tại hạng mục Ia, Ib và II về thành phần mức hoạt tính kỹ thuật của thuốc bảo vệ thực vật (xem Phụ lục 3). Người lao động không được áp dụng hóa chất nông nghiệp trong thời gian hơn sáu giờ (06) trên một ngày nhằm hạn chế bị nhiễm hóa chất và làm giảm tối thiểu rủi ro tai nạn.
- 6.15** Nông trại phải thường xuyên thực hiện các biện pháp bảo vệ người lao động, người láng giềng và những người khác từ ảnh hưởng của sử dụng hóa chất nông nghiệp và hóa chất sinh học và chất hữu cơ. Nông trại phải xác định được nhóm dễ bị nhiễm khi sử dụng hóa chất và có cơ chế thông báo cho họ biết trước liên quan ngày sử dụng và các khu vực mà trong suốt thời gian sử dụng bị cấm vào. Việc vào khu vực cấm này phải ngăn cản bởi dấu hiệu cảnh báo với biểu tượng hoặc các chỉ dẫn an toàn khác. Nông trại phải lập kế hoạch sử dụng hóa chất nhằm ngăn chặn sự ra vào không theo quy định của những người không có thẩm quyền trong khu vực đang áp dụng hóa chất. Người lao động biết và tôn trọng nghiêm ngặt khoảng cách thời gian đi vào và thời kỳ trước thu hoạch được quy định bởi Tài liệu Hướng dẫn Sử dụng Hóa chất An toàn, khoảng cách thời gian tuyệt đối cấm vào sau đây được áp dụng:
- Phân loại của WHO tại III và IV thành phần mức hoạt tính kỹ thuật của thuốc bảo vệ thực vật: giữa 4 và 12 tiếng đồng hồ.
 - Phân loại của WHO tại mục II về thành phần mức hoạt tính kỹ thuật của thuốc bảo vệ thực vật (xem Phụ lục 3) giữa 24 và 48 tiếng đồng hồ.
 - Phân loại của WHO tại mục Ia, Ib về thành phần mức hoạt tính kỹ thuật của thuốc bảo vệ thực vật (xem Phụ lục 3) giữa 48 và 72 tiếng đồng hồ.

Khi hai sản phẩm có thời gian cấm đi vào khác nhau hoặc thời gian cấm sử dụng trước khi thu hoạch được sử dụng tại cùng một thời điểm, thì khoảng cách thời gian dài nhất và các quy trình cách ly nghiêm ngặt nhất phải được áp dụng. Khi phun thuốc phải có bảng báo hiệu đánh dấu màu và có thể thấy được từ 30m, màu báo hiệu độ độc của sản phẩm được sử dụng hoặc báo hiệu sản phẩm có độ độc nhất nếu là thuốc pha trộn.

- 6.16 Nông trại phải có phòng tắm vòi sen và phòng thay quần áo cho tất cả những người sử dụng hoặc đến tiếp xúc với hóa chất nông nghiệp. Nông trại phải có chính sách và thủ tục yêu cầu công nhân sử dụng hóa chất nông nghiệp phải tắm và thay quần áo của họ ngay lập tức sau khi hoàn thành việc phun thuốc và trước khi rời khỏi nông trại vào cuối ngày làm việc. Phải có khu vực dành riêng và tách biệt để giặt rửa thiết bị bảo vệ cá nhân và giặt rửa thiết bị phun thuốc.
- 6.17 Quần áo đã mặc trong khi sử dụng hóa chất nông nghiệp không bao giờ được giặt tại nhà ở của người lao động. Phải có khu vực chỉ định gần phòng thay quần áo để giặt giũ quần áo đã mặc. Thủ tục về cầm giữ bảo quản và an toàn phải được thiết lập và chuyển giao hoặc vận chuyển quần áo bị nhiễm bẩn từ khu vực phòng tắm đến phòng giặt ủi.
- 6.18 Nông trại phải xác định và phân tích tiềm năng các loại hình khẩn cấp - do thiên tai hoặc con người gây ra - mà có thể xảy ra trên nông trại tùy theo các hoạt động và môi trường. Nông trại phải có kế hoạch đáp ứng tình trạng khẩn cấp với hành động và tài liệu hóa quy trình cho tất cả tình huống khẩn cấp được xác định. Toàn bộ công nhân phải quen thuộc với các biện pháp đáp ứng tình huống liên quan đến khu vực mà họ làm việc và có trách nhiệm. Nông trại phải có các công nhân được đào tạo trong mỗi ca làm việc để có sẵn hỗ trợ sơ cứu.
- 6.19 Nông trại phải có thiết bị cần thiết nhằm ngăn chặn và đáp ứng các loại hình khác nhau các trường hợp khẩn cấp được xác định trong kế hoạch đáp ứng khẩn cấp. Phải có thiết bị hỗ trợ đầu tiên/ sơ cứu lắp đặt trong hệ thống của nông trại và dụng cụ sơ cứu có sẵn tại hiện trường của người lao động. Phải có một phòng tắm vòi sen, các thiết bị vệ sinh rửa mắt và một phòng rửa mặt hoặc bồn rửa ở khu vực kho chứa hóa chất và trong khu vực nơi các hóa chất nông nghiệp được pha trộn và phân phối.
- 6.20 Nông trại phải thực hiện các thủ tục tài liệu hóa để bảo vệ công nhân trong những sự kiện thời tiết bất thường. Khi công việc thu hoạch tiến hành ban đêm, các nông trại phải cung cấp chiếu sáng liên tục trong toàn bộ bán kính của các hoạt động công nhân đang làm việc. Chỉ trong trường hợp các vụ thu hoạch độc canh với chiều cao của cây thấp hơn bình quân hai mét, nông trại phải cung cấp chỗ trú ẩn tạm thời và bảo vệ từ các điều kiện thời tiết khắc nghiệt, chẳng hạn như mưa lớn hoặc sấm sét.

7. QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG

Phần Tóm lược của Nguyên tắc (không bắt buộc đối với mục đích kiểm toán): Những nông trại được chứng nhận là những người láng giềng tốt. Họ quan hệ theo hướng tích cực đối với người láng giềng, cộng đồng chung quanh và các nhóm người quan tâm địa phương. Các nông trại thông báo định kỳ cho các cộng đồng xung quanh, người láng giềng và các nhóm người quan tâm về các kế hoạch và hoạt động của mình, và họ tư vấn cho các bên quan tâm về những thay đổi trên nông trại mà sẽ tạo ra tác động tốt cho xã hội và môi trường sạch đẹp cho cộng đồng xung quanh. Nông trại được chứng nhận sẽ đóng góp vào sự phát triển kinh tế địa phương thông qua công tác đào tạo và cơ hội việc làm và sẽ cố gắng ngăn chặn những tác động tiêu cực trong khu vực, các hoạt động hoặc dịch vụ quan trọng cho người dân địa phương.

7.1 Nông trại phải tôn trọng những khu vực và hoạt động có tầm quan trọng đến xã hội, văn hóa, sinh học, môi trường và tôn giáo. Những lĩnh vực này không được bị ảnh hưởng bởi hoạt động nông trại.

7.2 *Tiêu chí Chủ chốt.* Công tác quản lý nông trại cần phải thực hiện các chính sách và thủ tục nhằm xác định và cân nhắc mối quan tâm người dân địa phương và mối quan tâm cộng đồng của các nhóm liên quan đến hoạt động nông trại hoặc thay đổi và có thể làm ảnh hưởng đến sức khỏe của họ, người lao động hoặc nguồn tài nguyên thiên nhiên. Nông trại phải tài liệu hóa và có sẵn cho công chúng xem tất cả các khiếu nại và kiến nghị mà nông trại nhận được liên quan đến hoạt động nông trại và phúc đáp của nông trại.

7.2 Nông trại phải thực hiện và tiến hành các chính sách và thủ tục để xác định, tư vấn và cân nhắc những mối quan tâm của cư dân địa phương và nhóm cộng đồng quan tâm liên quan đến hoạt động nông trại hoặc những thay đổi mà có thể mang lại tác động tiêu cực đến chất lượng cuộc sống của cộng đồng hoặc đến nguồn tài nguyên thiên nhiên địa phương.

7.3 Nông trại phải có các chính sách và thủ tục ưu tiên dành cho công tác tuyển dụng và đào tạo lực lượng lao động, ký hợp đồng, công nhận các dịch vụ và sản phẩm địa phương.

7.4 Nông trại phải góp phần bảo vệ và bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên của cộng đồng, cộng tác vào công tác phát triển kinh tế, và tham gia đóng góp chi phí cho cơ sở hạ tầng của địa phương và chia sẻ các nguồn lực đã sử dụng - trường học - đường mòn/đường nông thôn - cống dẫn nước và cơ sở hạ tầng khác cũng như nguồn nước và nguồn tài nguyên khác - tùy theo số lượng nông trại đã sử dụng.

7.5 Nông trại phải hỗ trợ cho các nỗ lực giáo dục môi trường của địa phương và cộng tác với viện nghiên cứu địa phương về các lĩnh vực liên quan đến Tiêu chuẩn này.

7.6 Nông trại phải có tư cách pháp lý sử dụng đất và sở hữu đất, chứng minh bởi trình bày tài liệu chính thức hợp lý. Nếu không có các tài liệu như thế, thì nông trại phải đưa ra hoặc là:

- a. Nguyên nhân chính đáng về sử dụng đất, sở hữu và đánh giá, hoặc quyền sử dụng, hoặc;**
- b. Cho phép của cộng đồng địa phương, liên quan đất đai, nguồn tài nguyên hoặc nông nghiệp.**

8. QUẢN LÝ CÂY TRỒNG TỔNG HỢP

Phần tóm lược của Nguyên tắc (không bắt buộc đối với mục đích kiểm toán): Mạng lưới nông nghiệp bền vững khuyến khích loại bỏ các sản phẩm hóa chất được nhận biết bởi quốc tế, trong vùng hoặc quốc gia do những tác động tiêu cực của chúng đối với sức khỏe con người và các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Các nông trại được chứng nhận góp phần loại bỏ các sản phẩm hóa chất này thông qua công tác quản lý lồng ghép mùa vụ thu hoạch để làm giảm rủi ro phá hoại của sâu bọ. Các nông trại sẽ ghi chép lại quá trình sử dụng hóa chất nông nghiệp để đăng ký số lượng đã sử dụng, những việc làm giảm và loại bỏ các hóa chất này, đặc biệt là các chất có độc hại nhất. Những nông trại được chứng nhận không sử dụng các sản phẩm hóa chất không được đăng ký sử dụng ở quốc gia của họ, cũng không sử dụng chúng vượt quá giới hạn trên nông trại hoặc các sản phẩm khác bị cấm bởi các đơn vị khác hoặc các thỏa thuận quốc gia và quốc tế.

8.1 Nông trại phải có chương trình quản lý phòng trừ bệnh hại tổng hợp (integrated pest-management program - IPM) dựa trên những nguyên tắc sinh thái để kiểm tra loài gây hại (côn trùng, thực vật, động vật, vi khuẩn). Chương trình phải ưu tiên sử dụng các biện pháp kiểm tra cơ lý, cơ học, văn hóa và sinh học, và sử dụng hóa chất nông nghiệp ở mức ít nhất. Chương trình phải bao gồm các hoạt động theo dõi giám sát mật độ loài gây hại, đào tạo nhân sự làm công tác giám sát này, và kỹ thuật quản lý phòng trừ bệnh hại tổng hợp. Như là một phần chương trình, nông trại phải thu thập và ghi chép các thông tin sau đây về mức độ phá hoại của loài gây hại: ngày gây ra, thời gian, khu vực và vị trí; chủng loại của loài gây hại; cơ chế kiểm soát đã tuyển dụng; các yếu tố về môi trường trong thời kỳ gây hại; và những thiệt hại đã gây ra và chi phí dự trù của việc gây hại và chi phí để kiểm soát.

8.2 Nông trại phải chứng minh bằng danh mục kiểm kê so sánh hóa chất nông nghiệp và sử dụng ghi chép liên quan thay đổi sản phẩm hóa chất và giảm sử dụng chúng trong sản xuất cây trồng. Bản kiểm kê hóa chất nông nghiệp trên nông trại phải bao gồm, trong đó yêu cầu tối thiểu nhất, tên thương mại và tên chung của sản phẩm, số lượng được thừa nhận và ngày mua. Khi sử dụng tại hiện trường, nông trại phải ghi chép lại các thông tin sau đây:

- a. Các loại sản phẩm đã sử dụng và ngày sử dụng.**
- b. Xác định khu vực nơi đã sử dụng (trên bản đồ hoặc xác định tên hoặc số của lô hàng).**
- c. Kích thước khu vực đã áp dụng (tính bằng hec ta hoặc đơn vị chỉ số đo lường khác).**
- d. Liều lượng và tổng số lượng sản phẩm đã sử dụng.**
- e. Tên và những người có trách nhiệm pha trộn sản phẩm và được ủy quyền sử dụng.**
- f. Tên của người đã chuyên chở sản phẩm ra hiện trường.**
- g. Xác định thiết bị đã sử dụng (bình xịt đeo vai hoặc máy phun thuốc có động cơ/ bình phun thuốc bằng máy, máy bay hun trùng, vật chắn/ hàng rào ngăn cách khi phun thuốc v.v).**

h. Nông trại phải lưu trữ các ghi chép trong 5 năm. Các thông tin từ việc ghi chép này phải được tóm tắt tổng kết và phân tích để xác định khuynh hướng áp dụng cho từng loại sản phẩm cụ thể trong suốt năm (05) năm gần nhất.

8.3 Nông trại phải thực hiện các thủ tục và có các thiết bị cần thiết để pha trộn và sử dụng hóa chất nông nghiệp, cũng như bảo trì, kiểm tra kích cỡ và sửa chữa thiết bị sử dụng, để làm giảm tối thiểu chất thải và sử dụng quá mức cần thiết. Nông trại phải chỉ định bổ nhiệm và đào tạo nhân sự người có trách nhiệm thực hiện các quy trình thủ tục này.

8.4 *Tiêu chí Chủ chốt.* Các loại chất hóa học và sinh học sau đây không thể sử dụng trên nông trại được chứng nhận:

- a. Chất sinh học và chất hữu cơ mà không được đăng ký hợp pháp trong các quốc gia cho mục đích thương mại.
- b. Hóa chất nông nghiệp chưa được đăng ký chính thức trong quốc gia
- c. Hóa chất nông nghiệp được đề cập trong Danh sách Thuốc thực vật bị chính thức cấm và bị giới hạn một cách nghiêm ngặt ở Hợp chủng quốc Hoa Kỳ bởi Cơ quan Bảo vệ Môi trường (EPA) hoặc Danh sách thuốc sâu bị chính thức cấm và bị giới hạn một cách nghiêm ngặt ở Liên minh Châu Âu.
- d. Các loại hoá chất bị cấm sử dụng trên toàn cầu theo Công ước Stockholm về Các Chất Hữu cơ gây ô nhiễm lâu dài (POPs).
- e. Các hóa chất nông nghiệp được liệt kê trong Phụ lục III của Công ước Rotterdam Thỏa thuận được thông báo ưu tiên (Prior Informed Consent-PIC), liên quan đến bị cấm hoặc giới hạn nghiêm ngặt bởi quốc gia trong vì lý do sức khỏe đã được tài liệu hóa hoặc lý do môi trường tại ít nhất hai khu vực của Thế giới.
- f. Tất cả các loại thuốc trừ sâu nằm trong danh sách sản phẩm của Pesticides Action Network Dirty Dozen Products.

Danh sách thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng - Mạng lưới Nông nghiệp Bền vững bắt buộc mục 8.4.c, 8.4.d, 8.4.e and 8.4.f của tiêu chí này.

8.5 Nông trại phải có kế hoạch loại bỏ việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo Phân loại của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) tại mục Ia và Ib về thành phần mức hoạt tính kỹ thuật của thuốc, và giảm sử dụng theo phân loại của Tổ chức Y tế Thế giới tại mục II (xem Phụ lục 3). Khi sử dụng thành phần thuốc bảo vệ thực vật như đã đề cập trước đây, nông trại cần phải chứng minh như sau:

- a. Không có lựa chọn kỹ thuật hoặc kinh tế đang tồn tại mà có thể áp dụng được loại hình sâu bệnh hại gây ra.
- b. Loài gây hại hoặc bệnh lây nhiễm đã có, có thể xảy ra, gây ra hậu quả kinh tế đã được chứng minh mà sự thiệt hại vượt ngưỡng kinh tế.
- c. Các biện pháp phải thực hiện để thay thế phân loại WHO tại Ia, Ib và II về thành phần mức hoạt tính kỹ thuật của thuốc trừ sâu.

- 8.6 Tiêu chí Chủ chốt.** Nông trại phải tiến hành các bước để tránh giới thiệu, canh tác và trồng cây biến đổi gen. Khi các tài liệu về biến đổi gen được giới thiệu cách ngẫu nhiên trong vụ thu hoạch của nông trại được cấp chứng nhận, nông trại phải xây dựng và thực hiện một kế hoạch cô lập việc thu hoạch và tiến hành theo dõi để tuân thủ theo các yêu cầu của tiêu chí này.
- 8.7** Các nông trại chỉ áp dụng các phương pháp xử lý hun trùng sau thu hoạch để làm giảm tối thiểu những ảnh hưởng đối với sức khỏe người lao động và kiểm soát sử dụng. Việc ghi chép phải được duy trì cho bất kỳ hoạt động xử lý nào sau thu hoạch. Các tài liệu ghi chép này bao gồm ít nhất các thông tin sau đây: ngày xử lý áp dụng, lô hoặc số đợt, tên thành phần sản phẩm hóa chất được sử dụng, liều lượng, và tên người đã sử dụng và pha trộn sản phẩm và đơn đã phê duyệt.
- 8.8 Tiêu chí Chủ chốt** **CHỈ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÂY MÍA ĐƯỜNG** Các nông trại thu hoạch cây mía đường bằng máy móc không được phép sử dụng biện pháp đốt lửa để chuẩn bị thu hoạch. Tất cả các nông trại khác - tuyển dụng lao động chân tay để thu hoạch thay vì bằng máy móc- phải loại bỏ đốt lửa để chuẩn bị thu hoạch trong khuôn khổ tối đa là 3 năm và phải thực hiện các nguyên tắc sau đây:
- a. Giải thích việc đốt lửa của họ - loại bỏ kế hoạch đối với công nhân, nhà cung cấp và cộng đồng địa phương chung quanh.
 - b. Tuân thủ luật pháp địa phương về sử dụng trong công tác quản lý nông trại.
 - c. Tổ chức thực hiện việc đốt lửa bằng biện pháp làm giảm tối thiểu tác động đến công nhân, cộng đồng xung quanh và các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- Việc đốt lửa không được phép làm lan rộng ra các khu vực bảo tồn. Các công nhân phụ trách đốt lửa phải được đào tạo một cách đầy đủ về quản lý cháy, kiểm soát và ngăn chặn.
- 8.9** Sử dụng đốt lửa đối với loài gây hại và quản lý sâu bệnh phải chỉ được sử dụng nếu như lựa chọn ít tác động nhất đối với môi trường trong khuôn khổ so sánh với các biện pháp kiểm soát dịch hại khác. Lựa chọn này cần phải phản ánh các cân nhắc kỹ thuật và chỉ tập trung và các lĩnh vực khó giải quyết nhất

9. QUẢN LÝ ĐẤT VÀ CÔNG TÁC BẢO TỒN

Phần Tóm lược của Nguyên tắc (không bắt buộc đối với mục đích kiểm toán): Một trong những mục tiêu của nền nông nghiệp bền vững là cải thiện dài hạn đất trồng để hỗ trợ sản xuất nông nghiệp. Các nông trại được chứng nhận phải tiến hành các hoạt động ngăn chặn và kiểm tra xói mòn đất và do vậy sẽ giảm được sự mất dinh dưỡng và các tác động tiêu cực đối với nguồn nước. Nông trại phải có những chương trình làm màu mỡ đất dựa trên yêu cầu vụ mùa và đặc tính đất. Việc sử dụng tầng thực bì che phủ và thay đổi mùa vụ làm giảm sự phụ thuộc vào hóa chất nông nghiệp trong công tác quản lý loài gây hại và cỏ dại. Các nông trại được chứng nhận chỉ thiết lập các khu vực sản xuất mới trên đất trồng thích hợp cho nông nghiệp và các vụ thu hoạch mới, và không bao giờ chặt cây rừng.

- 9.1 Nông trại phải thực hiện chương trình chống xói mòn đất và chương trình kiểm soát làm giảm tối thiểu rủi ro xói mòn và làm giảm tình trạng xói mòn đang tồn tại. Các hoạt động của chương trình phải căn cứ trên kết quả xác định các loại đất bị ảnh hưởng hoặc dễ bị ảnh hưởng bởi xói mòn, cũng như các thuộc tính và đặc tính đất, điều kiện khí hậu, địa hình và các thực tiễn nông nghiệp của mùa vụ. Những nhấn mạnh đặc biệt phải thể hiện trong kiểm tra xói mòn nước và xói mòn gió từ khu vực canh tác mới hoặc trồng mới cũng như việc ngăn chặn quá trình trầm tích của các nguồn nước. Nông trại phải sử dụng và mở rộng tầng thực bì che phủ đất trên những bờ hoặc đáy của kênh đào để giảm tình trạng xói mòn và tích tụ và rửa trôi các hóa chất nông nghiệp về phía các ao hồ.
- 9.2 Nông trại phải có một chương trình làm màu mỡ đất và vụ thu hoạch dựa trên đặc tính và lý tính đất, và lấy mẫu đất hoặc tiến hành lấy mẫu thực vật định kỳ và phân tích mẫu, và lấy ý kiến tư vấn từ nhà chuyên môn và cơ quan có năng lực và công bằng. Số lượng các mẫu đất và mẫu thực vật phải phù hợp tương ứng với quy mô của khu vực sản xuất, loại đất và sự khác nhau về lý tính đất, cũng như các kết quả phân tích trước kia. Nhà sản xuất phải lưu giữ kết quả phân tích này trên nông trại trong thời kỳ hai năm. Các phân bón vô cơ và hữu cơ phải được áp dụng sao cho tránh được bất kỳ tiềm năng tác động tiêu cực đối với môi trường. Nông trại phải ưu tiên phân hữu cơ từ việc sử dụng các phần dư thừa của thực vật tạo ra từ nông trại.
- 9.3 Nông trại phải sử dụng và mở rộng lớp thực vật bao phủ mặt đất để làm giảm xói mòn và cải thiện độ phì đất; cấu trúc và nội dung chất hữu cơ, cũng như giảm tối thiểu sử dụng thuốc diệt cỏ. Phải thiết lập lớp thực vật che phủ mặt đất và mở rộng kế hoạch để chỉ rõ rằng các khu vực đang che phủ hiện có, cũng như kế hoạch che phủ sẽ được thiết lập trong tương lai. Nông trại phải bao gồm khung thời gian phân bổ cho các hoạt động này.
- 9.4 Nông trại phải thúc đẩy việc sử dụng khu vực đất bỏ hoang trong tự nhiên hoặc đã trồng thực vật để phục hồi độ phì tự nhiên và ngăn chặn chu kỳ sống/vòng đời của loài gây hại. Nông trại phải có kế hoạch chỉ rõ các kỹ thuật để đất không canh tác và thực tiễn canh tác (trồng, và tái sinh tự nhiên, v.v.)

và thời gian của kế hoạch. Các khu vực này phải được xác định trên hiện trường và trên bản đồ nông trại. Không cho phép đốt cháy khi chuẩn bị đất trồng.

- 9.5 *Tiêu chí Chủ chốt.* Các khu vực sản xuất mới chỉ được phân bổ trên đất trồng với điều kiện khí hậu, đất và địa hình (topographic) phù hợp với cường độ sản xuất nông nghiệp như kế hoạch đã lập. Việc hình thành khu vực sản xuất mới phải dựa trên cơ sở nghiên cứu sử dụng năng lực đất nhằm chứng minh được khả năng sản xuất dài hạn. Không được phép chặt đốn rừng che phủ tự nhiên hoặc đốt cháy để chuẩn bị cho khu vực sản xuất mới.**

10. QUẢN LÝ RÁC THẢI TỔNG HỢP

Phần Tóm lược của Nguyên tắc (không bắt buộc đối với mục đích kiểm toán): Các nông trại được chứng nhận phải sạch sẽ và ngăn nắp gọn gàng. Người lao động của nông trại và người sống trên nông trại phối hợp nhau để duy trì tình trạng sạch sẽ và tự hào về hình ảnh của nông trại. Phải có chương trình quản lý rác thải phù hợp với loại và số lượng, qua công tác tái sinh, giảm rác thải và sử dụng lại. Nơi chứa rác thải cuối cùng trên nông trại được quản lý và thiết kế làm giảm tối thiểu khả năng tác động đến môi trường và sức khỏe con người. Nông trại được chứng nhận phải đánh giá dịch vụ vận chuyển và xử lý được cung cấp bởi nhà thầu và biết khu chứa rác thải do nông trại tạo ra.

- 10.1 Nông trại phải có một chương trình quản lý rác thải tổng hợp đối với sản phẩm rác do nông trại thải ra. Chương trình này phải dựa trên các quan niệm đồ rác thải và làm giảm việc sử dụng sản phẩm có nhiều tiềm năng gây tác động tiêu cực cho môi trường và sức khỏe con người, cũng như việc sử dụng lại hoặc tái chế rác thải. Như là một phần của chương trình này, nguồn và loại hình rác thải phải được xác định và số lượng (trọng lượng hoặc khối lượng) phải được dự trù. Các hoạt động của chương trình quản lý tổng hợp rác thải phải phù hợp với các loại hình và số lượng rác được thải ra.**
- 10.2 Không được phép sử dụng các đồng rác và đốt rác thải ở ngoài trời. Việc đốt sản phẩm rác thải chỉ được phép thực hiện trong các lò đốt rác được thiết kế theo đúng mục đích đó, dựa trên các nghiên cứu kỹ thuật xác định theo kích cỡ, vị trí thuận lợi và các biện pháp kiểm tra nhằm làm giảm tối thiểu các tác động đến môi trường và sức khỏe người lao động liên quan đến xây dựng và vận hành lò đốt. Nông trại phải có giấy phép hợp pháp liên quan công tác xây dựng, vận hành lò thiêu hủy rác này, và thủ tục vận hành thích hợp.**
- 10.3 Các khu vực thải rác cuối cùng hoặc bán thường xuyên trên nông trại phải được thiết kế và quản lý để làm giảm rủi ro làm ô nhiễm môi trường và gây hại đến sức khỏe con người. Vị trí của khu rác thải phải phù hợp với luật áp dụng liên quan đến khoảng cách từ các khu vực nhà ở và khu vực hoạt động khác của con người, các kênh mương nước và nguồn nước, và khu vực bảo tồn. Nông trại cần phải xác định vị trí và các thiết kế kỹ thuật phù hợp cho việc chứa rác cuối cùng hoặc xử lý cả hai loại rác thải hữu cơ và vô cơ thông qua công tác đánh giá tính chất đặc trưng về vị trí, khối lượng và loại hình rác thải sẽ được loại bỏ ra hoặc được xử lý và tiềm năng tác động của chúng.**
- 10.4 Nông trại không được vận chuyển rác thải cho cá nhân hoặc doanh nghiệp mà chưa qua kiểm tra xử lý rác, hoặc việc sử dụng cuối cùng phải phù hợp với luật pháp và yêu cầu của tiêu chuẩn này. Sản phẩm rác thải và vật liệu đã tiếp xúc với hóa chất nông nghiệp hoặc bất kỳ chất độc khác hoặc hóa chất có hại không được mang bán rẻ hoặc biếu tặng mà không qua kiểm chứng lại rằng liệu nó sẽ được dùng cho mục đích tương tự mà không gây ra nguy hiểm cho sức khỏe con người hoặc gây tác động tiêu cực đến môi trường.**

- 10.5 Nông trại phải được dọn dẹp sạch sẽ và không được tích lũy lại toàn bộ các loại sản phẩm rác nhằm mục đích duy trì hình ảnh tích cực và góp phần tăng cường tình trạng khỏe mạnh cho người lao động. Nông trại phải thực hiện một cách đều đặn các hoạt động giáo dục cho công nhân nông trại và những người sống trên nông trại với mục tiêu thúc đẩy tính sạch sẽ và ngăn chặn thải rác bừa bãi. Nông trại phải có chiến lược cho khu chứa rác thải trên nông trại, thu gom và đưa rác thải vào các thùng chứa rác.**
- 10.6 Nông trại phải thực hiện các thực hành nhằm giảm khí phát ra từ nhà kính và cô lập sự tăng dioxide carbon. Các thực hành này bao gồm quản lý che phủ đất, trồng cây và thảm thực vật sống lâu năm, các nguồn thích hợp và quản lý phân bón và chất đốt nhiên liệu, quản lý các hồ nước phát điện và bón phân, quản lý rác thải phù hợp, sử dụng công nghệ sạch, cải thiện hiệu quả năng lượng, giảm công tác làm đất canh tác, và tham gia vào sáng kiến địa phương hoặc khu vực vào mục đích giảm hiệu ứng nhà kính và cách ly carbon dioxin.**

Annex 1 Khoảng cách giữa khu vực sản xuất, khu hệ sinh thái ở trên mặt đất, khu hệ sinh thái dưới nước và khu vực dành cho hoạt động con người

Khoảng cách tính bằng mét giữa các khu vực sản xuất vụ mùa, khu hệ sinh thái dưới nước và các khu vực của hoạt động con người, dựa trên cường độ quản lý mùa vụ, được giới thiệu trong bảng sau đây. Nông trại phải tuân thủ các khoảng cách được chỉ định rõ trong bảng này hoặc theo luật áp dụng, hoặc bên nào áp dụng nghiêm ngặt hơn.

Khoảng cách từ các hệ sinh thái dưới nước được chỉ ra phù hợp với tỷ lệ phần trăm độ dốc của địa hình vùng phụ cận chung quanh. Chẳng hạn như, nông trại sử dụng hóa chất nông nghiệp ít hơn một lần trên một tháng và không sử dụng theo Phân loại sản phẩm của WHO tại Ia, Ib hoặc II, phải duy trì một khoảng cách năm (05) mét giữa các con suối và khu vực sản xuất trên địa hình đất bằng.

Đối với đường sá, khoảng cách chỉ rõ chiều rộng của dải ngăn tầng đệm (buffer strip) giữa vụ mùa và ranh giới mép đường đi trong đó cấm sử dụng hóa chất nông nghiệp và sản xuất mùa vụ. Các khu vực này phải có các hàng rào thực vật.

Trong một số trường hợp, các khoảng cách khác nhau áp dụng trên hạng mục khoảng cách (các cột dọc), có liên quan đến mùa vụ có sử dụng hoặc không sử dụng hun khói trong không khí hoặc dụng cụ phun thuốc hun trùng, hoặc vụ thu hoạch nông lâm sản.

Bảng liệt kê khoảng cách áp dụng cho tất cả các mùa vụ được cụ thể hóa trong Chính sách Cấp chứng nhận Nông trại. Trong trường hợp trồng xen nhiều loại cây trồng trong cùng một khu vực sản xuất, khoảng cách lớn nhất phải được áp dụng.

Nông trại áp dụng các định nghĩa sau đây:

- Sử dụng đầu vào mức độ cao: Nông trại phải đáp ứng được tối thiểu một trong các điều kiện sau đây: a.) Phải áp dụng Phân loại thuốc trừ sâu của WHO tại mục Ia, Ib và II (xem Phụ lục 3); b.) Tần suất sử dụng thuốc trừ sâu là hai hoặc hơn hai lần trên một tháng.
- Các khu vực nhà ở hoặc tương tự: Nhà ở, trường học, khu vực phòng ăn, trạm y tế, khu giải trí hoặc cơ sở hạ tầng tương tự nơi các hoạt động con người diễn ra hàng ngày.
- Sử dụng không thường xuyên: Các khu vực kho lưu trữ, khu vực đóng gói, kho hàng, phân xưởng, nhà máy chế biến và các cơ sở hạ tầng khác tương tự như thế nơi các công nhân thực hiện hoạt động trong một thời gian ngắn (ít hơn 30 phút mỗi ngày) không có hơn hai lần trên một tuần.
- Sử dụng đầu vào mức độ thấp: Nông trại phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau đây: a.) Chỉ áp dụng phân loại thuốc trừ sâu của WHO tại mục III và IV; b.) Tần suất sử dụng thuốc trừ sâu tối đa một lần trên tháng c.) Không được hun khói trong không khí hoặc sử dụng bình xịt phun thuốc để hun trùng.

- Hữu cơ (Organic): Nông trại phải chứng minh cho nhóm kiểm toán rằng hóa chất thuốc trừ sâu hoặc hóa chất phân bón không sử dụng trên nông trại; hoặc các nông trại được cấp chứng nhận hữu cơ bởi các tổ chức cấp chứng nhận được công nhận bởi Dịch vụ Chứng nhận Hữu cơ Quốc tế (the International Organic Accreditation Service (IOAS).
- Sử dụng thường xuyên: Các khu vực kho lưu trữ, khu vực đóng gói, kho hàng, phân xưởng, nhà máy chế biến và các cơ sở hạ tầng tương tự khác nơi các công nhân thực hiện hoạt động hàng ngày.
- Đường sá công cộng: Các đường sá, đường phố hoặc đường quốc lộ mà kết nối hoặc dẫn đến các trung tâm dân cư (thị trấn, khu định cư, thành phố được sử dụng dành cho giao thông hoặc bởi người đi bộ trên cơ sở hàng ngày.

Bảng Khoảng cách

Lưu ý : Như đã xác định tại tiêu chí 1.1, các khoảng cách xác định theo luật địa phương được áp dụng, nếu như quy định địa phương nghiêm ngặt hơn khoảng cách của bảng này.

		Loại hình quản lý mùa vụ					
		Sử dụng mức độ cao		Sử dụng mức độ thấp		Hữu cơ	
Độ dốc:		≤ 8% ¹	> 8% ²	≤ 8%	> 8%	≤ 8%	> 8%
1. Hệ sinh thái trên mặt đất (mét):							
a. Phát triển lần thứ hai (không bị phá hoại đáng kể bởi con người trong ít nhất 10 năm)		10	20	5	10	3	5
b. Rừng nguyên sinh và rừng tái sinh, vùng đất có cây bụi, cỏ và đồi trọc	Cây trồng phun thuốc bằng máy phun lớn hoặc bằng bình xịt	10	30	10	20	5	10
	Cây trồng phun thuốc bằng máy phun lớn hoặc bình xịt hoặc bằng phương pháp nông lâm kết hợp		20		10		
2. Hệ sinh thái trên dưới nước (mét):							
a. Cây lâu năm, các dòng chảy theo mùa, suối, lạch (chiều rộng ít hơn hoặc bằng 3 mét)		10	20	5	10	3	5
b. Các dòng sông (chiều rộng lớn hơn 3m) hồ lớn, phá, vùng ngập nước, đầm lầy, bãi lầy	Cây trồng phun thuốc bằng máy phun lớn hoặc bằng bình xịt	10	30	10	20	5	10
	Cây trồng phun thuốc bằng máy phun lớn hoặc bình xịt hoặc bằng phương pháp nông lâm kết hợp		20		10		
c. Suối	Cây trồng phun thuốc bằng máy phun lớn hoặc bằng bình xịt	20	50	10	20	10	10
	Cây trồng phun thuốc bằng máy phun lớn hoặc bình xịt hoặc bằng phương pháp nông lâm kết hợp	15	30				
3. Khu vực dành cho hoạt động con người (mét):							
a. Đường đi công cộng		10		5		5	
b. Các tòa nhà cao tầng, nhà ở hoặc sử dụng tương tự	Cây trồng phun thuốc bằng máy phun lớn hoặc bằng bình xịt	30		30		10	
	Cây trồng phun thuốc bằng máy phun lớn hoặc bình xịt	20		10		5	
	Cây trồng với phương pháp nông lâm kết hợp	10					
c. Các tòa nhà cao tầng sử dụng thường xuyên	Cây trồng phun thuốc bằng máy phun lớn hoặc bằng bình xịt	30		10		5	
	Cây trồng phun thuốc bằng máy phun lớn hoặc bình xịt	20					
	Cây trồng với phương pháp nông lâm kết hợp	10					
d. Các tòa nhà cao tầng không sử dụng thường xuyên	Cây trồng phun thuốc bằng máy phun lớn hoặc bằng bình xịt	10		5		0	
	Cây trồng phun thuốc bằng máy phun lớn hoặc bình xịt hoặc Cây trồng với phương pháp nông lâm kết hợp	5		2			

¹ Độ dốc ít hơn hoặc bằng 8%

² Độ dốc lớn hơn 8%

Phụ lục 2 Thiết bị bảo vệ cá nhân cơ bản dành cho tiếp xúc và sử dụng đầu vào hữu cơ và không hữu cơ

Sử dụng thuốc trừ sâu, trừ cỏ và diệt nấm:

- Quần áo lao động, bao trùm toàn thân hoặc sơ mi dài tay, và quần dài được là bằng vật liệu dày.
- Khẩu trang với miếng lọc đặc biệt phù hợp với các đặc tính của hóa chất nông nghiệp được sử dụng.
- Bảo vệ đầu (mũ lưới trai, mũ có vành v.v).
- Găng tay bằng chất dẻo bao phủ ít nhất lên đến mỗi nửa cánh tay. Thiết bị bảo vệ lưng bằng chất dẻo vinyl trong trường hợp sử dụng bình xịt đeo lưng.
- Ủng cao su.
- Tấm che mặt hoặc kính bảo hộ với hệ thống thông gió gián tiếp được thiết kế cho chất hóa học
- Vớ / bít tất.

Người cầm cờ báo hiệu dành cho sử dụng phụ thuốc bằng máy bay:

- Quần áo lao động, che phủ toàn thân hoặc sơ mi dài tay, và quần dài được là bằng vật liệu dày.
- Khẩu trang với miếng lọc đặc biệt phù hợp với đặc tính hóa chất nông nghiệp được sử dụng.
- Bảo vệ đầu (mũ lưới trai, mũ có vành v.v).
- Găng tay bằng chất dẻo bao phủ ít nhất lên đến mỗi nửa cánh tay.
- Áo mưa, áo pon sô hoặc loại chống thấm nước tương tự.
- Ủng cao su.
- Tấm che mặt hoặc kính bảo hộ có hệ thống thông gió gián tiếp được thiết kế cho chất hóa học.
- Vớ / bít tất.

Người sử dụng bón phân:

- Tạp dề.
- Găng tay nhựa dẻo.
- Ủng cao su.
- Vớ / bít tất.

Thu gom hóa chất nông nghiệp bị tràn đổ ra:

- Quần áo lao động, che phủ toàn thân hoặc sơ mi dài tay, và quần dài.
- Khẩu trang với miếng lọc đặc biệt phù hợp với đặc tính hóa chất nông nghiệp được sử dụng.
- Găng tay nhựa dẻo.
- Ủng cao su.
- Vớ / bít tất.

Tiếp xúc vật liệu bị nhiễm thuốc trừ sâu (bao bì, bao nhựa, dụng cụ canh tác, mẫu thử v.v.):

- Quần áo lao động, che phủ toàn thân hoặc sơ mi dài tay, và quần dài.
- Khẩu trang với miếng lọc đặc biệt phù hợp với đặc tính hóa chất nông nghiệp được sử dụng.

- Găng tay nhựa dẻo.

Giặt quần áo và thiết bị đã nhiễm hóa chất nông nghiệp:

- Tạt dề.
- Găng tay nhựa dẻo.
- Ủng cao su.

Phụ lục 3 Tổ chức Y tế Thế giới - Phân loại thành phần hoạt tính la, lb & II

Mức độ nguy hiểm cực kỳ cao (Loại la) thành phần hoạt tính kỹ thuật thuốc trừ sâu

- | | | |
|--------------------|-----------------------|---------------------------|
| 1. Aldicarb | 11. Difethiaie | 21. Parathion-methyl |
| 2. Brodifacoum | 12. Diphacie | 22. Phenylmercury acetate |
| 3. Bromadiolone | 13. Disulfotn | 23. Phorate |
| 4. Bromethalin | 14. EPN | 24. Phosphamidon |
| 5. Calcium cyanide | 15. Ethopros | 25. Sodium fluoroacetate |
| 6. Captafol | 16. Flocouen | 26. Sulfotep |
| 7. Chlorethoxyfos | 17. Hexachlbnzee | 27. Tebupirimfos |
| 8. Chlormephos | 18. Mercuric chloride | 28. Terbufos |
| 9. Chlorophacinone | 19. Mevinphos | |
| 10. Difenacoum | 20. Parathion | |

Mức độ nguy hiểm cao (Loại lb) thành phần hoạt tính kỹ thuật của thuốc trừ sâu

- | | | |
|-------------------------------|---------------------|---|
| 1. Acrolein | 20. DNOC | 39. Nicotine |
| 2. Allyl alcohol | 21. Edifenphos | 40. Omethoate |
| 3. Azinphos-ethyl | 22. Ethiofencarb | 41. Oxamyl |
| 4. Azinphos-methyl | 23. Famphur | 42. Oxydemeton- methyl |
| 5. Blasticidin-S | 24. Fenamiphos | 43. Parisgreen (Copper-arsenic complex) |
| 6. Butocarboxim | 25. Flucythrinate | 44. Pentachlorophenol |
| 7. Butoxycarboxim | 26. Fluoroacetamide | 45. Propetamphos |
| 8. Cadusafos | 27. Formetanate | 46. Sodium arsenite |
| 9. Calcium arsenate | 28. Furathiocarb | 47. Sodium cyanide |
| 10. Carbofuran | 29. Heptenophos | 48. Strychnine |
| 11. Chlorfenvinphos | 30. Isoxathion | 49. Tefluthrin |
| 12. 3-Chloro-1,2- propanediol | 31. Lead arsenate | 50. Thallium sulfate |
| 13. Coumaphos | 32. Mecarbam | 51. Thiofanox |
| 14. Coumatetralyl | 33. Mercuric oxide | 52. Thiometon |
| 15. Zeta-cypermethrin | 34. Methamidophos | 53. Triazophos |
| 16. Demeton-S-methyl | 35. Methidathion | 54. Vamidothion |
| 17. Dichlorvos | 36. Methiocarb | 55. Warfarin |
| 18. Dicrotophos | 37. Methomyl | 56. Zinc phosphide |
| 19. Dinoterb | 38. Monocrotophos | |

Mức độ nguy hiểm vừa (Loại II) thành phần hoạt tính kỹ thuật của thuốc trừ sâu

1. Alpha-cypermethrin	30. Haloxyfop	59. Prallethrin
2. Cyphenothrin	31. HCH	60. Profenofos
3. 2,4-D	32. Imazalil	61. Propiconazole
4. DDT	33. Imidacloprid	62. Propoxur
5. Deltamethrin	34. Iminoctadine	63. Prosulfocarb
6. Diazinon	35. Ioxynil	64. Prothiofos
7. Difenzoquat	36. Ioxynil octanoate	65. Pyraclofos
8. Dimethoate	37. Isoprocarb	66. Pyrazophos
9. Dinobuton	38. Lambda-cyhalothrin	67. Pyrethrins
10. Diquat	39. Mercurous chloride	68. Pyroquilon
11. Endosulfan	40. Metaldehyde	69. Quinalphos
12. Endothal-sodium	41. Metam-sodium	70. Quizalofop-p-tefuryl
13. EPTC	42. Methacrifos	71. Rotenone
14. Esfenvalerate	43. Methasulfocarb	72. Spiroxamine
15. Ethion	44. Methyl isothiocyanate	73. TCA (acid)
16. Fenazaquin	45. Metolcarb	74. Terbumeton
17. Fenitrothion	46. Metribuzin	75. Tetraconazole
18. Fenobucarb	47. Molinate	76. Thiacloprid
19. Fenpropidin	48. Nabam	77. Thiobencarb
20. Fenpropathrin	49. Naled	78. Thiocyclam
21. Fenthion	50. Paraquat	79. Thiodicarb
22. Fentin acetate	51. Pebulate	80. Tralomethrin
23. Fentin hydroxide	52. Permethrin	81. Triazamate
24. Fenvalerate	53. Phenthoate	82. Trichlorfon
25. Fipronil	54. Phosalone	83. Tricyclazole
26. Fluxofenim	55. Phosmet	84. Tridemorph
27. Fuberidazole	56. Phoxim	85. Xylcarb
28. Gamma-HCH	57. Piperophos	
29. Guazatine	58. Pirimicarb	